

Số: /TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

## TỜ TRÌNH

### Về dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ như sau:

#### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

##### 1. Căn cứ pháp lý

Ngày 13/11/2021, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 40/2021/QH15 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022, tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết giao Chính phủ: *Quy định cụ thể việc thu, nộp và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô thống nhất trong cả nước, bao gồm cả đường bộ thuộc Trung ương quản lý và đường bộ thuộc địa phương quản lý; thực hiện phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương nguồn thu phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô theo tỷ lệ tương ứng là 65% và 35% để chi cho quản lý, bảo trì đường bộ*<sup>1</sup>.

Ngày 03/12/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2047/QĐ-TTg về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022. Trong đó, tại điểm c khoản 4 Điều 2 Quyết định giao: *Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định cụ thể việc thu, nộp và quản lý sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô thống nhất trong cả nước, bao gồm cả đường bộ thuộc Trung ương quản lý và đường bộ thuộc địa phương quản lý*.

Từ căn cứ nêu trên, việc xây dựng dự thảo Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ là cần thiết.

##### 2. Đánh giá tình hình thực hiện thu phí sử dụng đường bộ

Triển khai quy định tại Luật Phí và lệ phí, trên cơ sở đề xuất của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày

<sup>1</sup> Căn cứ tiêu chí phân bổ kinh phí theo phê duyệt của cấp thẩm quyền, Bộ Giao thông vận tải đề xuất phương án phân bổ kinh phí từ phí sử dụng đường bộ cho các địa phương, cùng thời điểm đề xuất dự toán kinh phí NSNN năm 2022, gửi Bộ Tài chính tổng hợp vào dự toán NSNN năm 2022.

15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ và Thông tư số 70/2021/TT-BTC ngày 12/8/2021 (thay thế Thông tư số 293/2016/TT-BTC).

Thông tư thu phí sử dụng đường bộ được ban hành đảm bảo đồng bộ với quy định tại Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Luật Giao thông đường bộ; Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012, Nghị định số 56/2014/NĐ-CP ngày 30/5/2014, Nghị định số 28/2016/NĐ-CP ngày 20/4/2016 của Chính phủ về quỹ bảo trì đường bộ.

a) Kết quả đạt được: Chính sách thu phí sử dụng đường bộ được ban hành đã tạo khung pháp lý rõ ràng cho tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí. Tiền phí đường bộ thu được hàng năm khoảng 9.000 tỷ đồng, nộp NSNN và dành toàn bộ cho hoạt động bảo trì đường bộ; ngoài số tiền phí thu được, hàng năm, NSNN cấp thêm khoảng 3.000 tỷ đồng cho hoạt động duy tu, bảo trì hệ thống đường bộ do Nhà nước quản lý.

Các tuyến đường bộ được sửa chữa kịp thời các hư hỏng, bảo đảm hệ thống đường bộ thông suốt, an toàn và phát huy hiệu quả góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, bảo đảm tăng trưởng kinh tế nhanh, phát triển các lĩnh vực văn hoá, xã hội, giảm nhẹ thiên tai, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống nhân dân.

b) Vướng mắc phát sinh: Bên cạnh kết quả đạt được, quá trình thực hiện Thông tư số 293/2016/TT-BTC phát sinh một số vướng mắc về: đối tượng chịu phí (xe đầu kéo hay máy kéo); tính phí và truy thu phí đối với xe của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp bán thanh lý (chưa nộp phí cho thời gian chờ thành lý thì người mua có phải nộp không?); thay đổi tổ chức thu phí đối với xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng (Tổng cục Đường bộ Việt Nam thay cho Văn phòng Quỹ bảo trì trung ương – *đã giải thể*).

Để giải quyết các vướng mắc nêu trên, năm 2021, Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ Giao thông vận tải xây dựng và ban hành Thông tư số Thông tư số 70/2021/TT-BTC ngày 12/8/2021 (thay thế Thông tư số 293/2016/TT-BTC).

Sau khi Thông tư số 70/2021/TT-BTC có hiệu lực thi hành đến nay chưa có phát sinh vướng mắc.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Mục đích**

Việc ban hành Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ đảm bảo mục đích:

- Bảo đảm chính sách phí sử dụng đường bộ đồng bộ, thống nhất với pháp luật về giao thông đường bộ, pháp luật quản lý thuế và pháp luật phí, lệ phí.

- Bảo đảm chính sách phí sử dụng đường bộ công khai, minh bạch, khả thi và phù hợp với thực tế, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và cơ quan đăng kiểm, giao thông trong việc thực hiện chính sách phí sử dụng đường bộ.

- Ôn định nguồn thu ngân sách nhà nước từ phí sử dụng đường bộ, để phục vụ cho hoạt động bảo trì hệ thống đường bộ do Nhà nước quản lý.

## **2. Quan điểm**

- Quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng; thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Huy động kịp thời, hợp lý nguồn lực từ người sử dụng đường bộ để tạo nguồn lực cho bảo trì hệ thống đường bộ do Nhà nước quản lý.

- Phù hợp với tình hình thực tiễn, kế thừa nội dung quy định thu phí sử dụng đường bộ hiện hành còn phù hợp.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Về việc lập đề nghị xây dựng Nghị định**

- Tại khoản 1 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định Chính phủ ban hành Nghị định để quy định: “1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước”.

- Tại khoản 1 Điều 84 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “1. Đề nghị xây dựng Nghị định được áp dụng đối với việc xây dựng, ban hành Nghị định theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19 của Luật này”.

Nghị định của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ là văn bản quy định chi tiết Nghị quyết số 40/2021/QH15 ngày 23/11/2021 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022, thuộc trường hợp điều chỉnh tại khoản 1 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; không thuộc trường hợp phải thực hiện quy trình lập đề nghị xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 84 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật nêu trên.

### **2. Quá trình xây dựng dự án Nghị định**

Năm 2021, Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ GTVT đánh giá tình hình thực hiện thu phí sử dụng đường bộ và ban hành Thông tư số 70/2021/TT-BTC ngày 12/8/2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2021.

Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ GTVT rà soát và kế thừa nội dung quy định tại Thông tư số 70/2021/TT-BTC, để xây dựng dự án Nghị định.

Ngày 21/6/2022, Bộ Tài chính có công văn số 5876/BTC-CST gửi lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội Vận tải Ô tô Việt Nam và đăng trên Công thông tin điện tử của Chính phủ, Công thông

tin điện tử của Bộ Tài chính để lấy kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân về dự án Nghị định.

Ngày /2022, Bộ Tài chính đã có công văn số /BTC-CST gửi Bộ Tư pháp thẩm định dự án Nghị định.

Giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia, Bộ Tài chính hoàn chỉnh lại dự án Nghị định và lập Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia. Báo cáo đã được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính theo quy định.

#### **IV. NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

##### **1. Bộ cục dự thảo Nghị định**

Dự thảo Nghị định gồm 03 Chương, 10 Điều, cụ thể:

- Chương I. Quy định chung: Chương này gồm 04 Điều (từ Điều 1 đến Điều 4) quy định về: Phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; các trường hợp miễn phí; người nộp phí và tổ chức thu phí.

- Chương II. Quy định cụ thể: Chương này gồm 04 Điều (từ Điều 5 đến Điều 8) quy định về: Mức thu phí; phương thức tính, nộp phí; quản lý và sử dụng phí; trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp.

- Chương III. Tổ chức thực hiện: Chương này gồm 02 Điều (Điều 9 và Điều 10) quy định về: Tổ chức thực hiện; hiệu lực thi hành.

##### **2. Nội dung dự thảo Nghị định**

Năm 2021, Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ GTVT đánh giá tình hình thực hiện thu phí sử dụng đường bộ và ban hành Thông tư số 70/2021/TT-BTC. Vì vậy, nội dung Nghị định cơ bản kế thừa nội dung đang quy định tại Thông tư số 70/2021/TT-BTC.

###### **2.1. Các nội dung kế thừa**

a) Về Chương I. Quy định chung: Chương này gồm 04 Điều quy định các nội dung cơ bản như sau:

- Về phạm vi điều chỉnh: Tại Điều 1 dự thảo Nghị định quy định “Nghị định này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ (phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô) thuộc ngân sách nhà nước”. Nội dung kế thừa quy định tại Thông tư số 70/2021/TT-BTC, bổ sung thêm cụm từ “thuộc ngân sách nhà nước” để phân biệt với phí dịch vụ đường bộ hoàn vốn các dự án đầu tư theo hình thức BOT.

- Đối tượng áp dụng: dự thảo Nghị định quy định đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ là ô tô (xe ô tô, xe đầu kéo và các loại xe tương tự) đã đăng ký, kiểm định để lưu hành. Đồng thời, quy định một số trường hợp xe không chịu phí sử dụng đường bộ do: bị hủy hoại, bị tịch thu, bị tai nạn không thể sử dụng tiếp sau sửa chữa; xe không sử dụng đường bộ trong thời gian dài trên 30 ngày

(trong đó, có xe kinh doanh vận tải của doanh nghiệp kinh doanh vận tải tạm dừng lưu hành liên tục 30 ngày trở lên).

- Nghị định quy định 05 trường hợp miễn phí gồm: Xe cứu thương, xe cứu hỏa, xe phục vụ tang lễ, xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh. Nội dung cơ bản kế thừa quy định tại Thông tư số 70/2021/TT-BTC.

- Các Trung tâm đăng kiểm thu phí đối với các loại xe ô tô (trừ xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng) khi thực hiện đăng kiểm xe. Tổng cục Đường bộ Việt Nam thu phí đối với xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng (xe này do Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quản lý và kiểm định).

b) Về Chương II. Quy định cụ thể: Chương này gồm 04 Điều quy định các nội dung cơ bản như sau:

- Mức thu phí áp dụng cho ô tô (trừ xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng) chia làm 08 nhóm theo tải trọng và ghế ngồi của xe: từ 130.000 đồng/tháng đến 1.430.000 đồng/tháng; xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng chia làm 02 nhóm: xe ô tô con mức 1.000.000 đồng/năm; xe tải, xe khách: 1.500.000 đồng/năm (*phi sử dụng đường bộ nộp cho xe ô tô của công an, quốc phòng do NSNN đảm bảo*).

- Về cách tính và thu phí: (i) Xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng: Bộ Công an, Bộ Quốc phòng nộp phí cho toàn bộ xe ô tô mình quản lý 01 lần/năm; (ii) Xe ô tô còn lại nộp theo: chu kỳ đăng kiểm; theo năm dương lịch; theo tháng đối với trường hợp doanh nghiệp có số phí phải nộp từ 30 triệu đồng trở lên.

- Về quản lý, sử dụng tiền phí: Tổng cục Đường bộ Việt Nam được đề lại 1,2% tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí. Các Trung tâm đăng kiểm thu phí nộp về Cục Đăng kiểm Việt Nam (trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày thu phí) để Cục Đăng kiểm Việt Nam tổng hợp và khai, nộp phí vào NSNN. Các Trung tâm đăng kiểm được đề lại 1,32% tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí. Trường hợp Trung tâm đăng kiểm thuộc doanh nghiệp thì tiền phí đề lại là doanh thu của Trung tâm, Trung tâm khai, nộp thuế theo quy định.

- Về hoàn trả, bù trừ phí: Tại Điều 2 dự thảo Nghị định một số trường hợp xe không chịu phí sử dụng đường bộ. Trường hợp xe này đã nộp phí cho thời gian dừng lưu hành (thuộc diện không chịu phí) thì sẽ được bù trừ hoặc hoàn trả số tiền phí đã nộp. Điều 8 Nghị định quy định cụ thể trình tự, thủ tục, hồ sơ hoàn trả, bù trừ tiền phí đối với từng trường hợp cụ thể.

c) Về Chương III. Tổ chức thực hiện: Chương này gồm 02 Điều quy định về trách nhiệm của Trung tâm đăng kiểm, Cục Đăng kiểm Việt Nam, Tổng cục Đường bộ Việt Nam trong việc tổ chức thu thực hiện quản lý thu, nộp phí, báo cáo kết quả thu, nộp phí. Nghị định có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

## **2.2. Về các nội dung sửa đổi, bổ sung so với quy định hiện hành**

### a) Không quy định về in và phát hành vé “phí đường bộ toàn quốc”

Dự thảo Nghị định không quy định về in và phát hành vé “phí đường bộ toàn quốc” (tại Điều 7, Điều 8, Điều 11 Thông tư số 70/2021/TT-BTC). Vì vé “phí đường bộ toàn quốc” để phục vụ cho mục đích xe ô tô của lực lượng quốc phòng, an ninh khi lưu thông qua các trạm thu phí BOT trên toàn quốc được miễn phí dịch vụ sử dụng đường bộ. Việc quy định chứng từ miễn phí BOT thuộc Bộ GTVT. Ngày 30/11/2021, Bộ GTVT đã ban hành Thông tư số 28/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2016/TT-BGTVT ngày 16/11/2016 quy định về giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn các dự án đầu tư xây dựng đường bộ do Bộ GTVT quản lý. Trong đó, đã có quy định về việc in, phát hành vé “phí đường bộ toàn quốc”.

### b) Điều chỉnh tên một số loại xe chuyên dùng thuộc lực lượng công an, quốc phòng cho phù hợp với thực tế:

- Đối với xe ô tô chuyên dùng phục vụ quốc phòng: Bổ sung thêm đối tượng được thuộc trường hợp miễn phí là: Xe kiểm soát, xe kiểm tra quân sự, xe chuyên dùng chở phạm nhân, xe cứu hộ, cứu nạn, xe thông tin vệ tinh và các xe ô tô đặc chủng khác phục vụ quốc phòng.

- Đối với xe chuyên dùng của các đơn vị thuộc hệ thống tổ chức của công an nhân dân: Bổ sung đối tượng miễn phí là xe ô tô chuyên dùng khác của Bộ Công an.

c) Sửa tên tổ chức thu phí là “Tổng cục Đường bộ Việt Nam” thành “cơ quan nhà nước quản lý giao thông đường bộ”, để đồng bộ với Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải, trong đó cơ cấu tổ chức có: Cục Đường bộ Việt Nam và Cục Đường cao tốc Việt Nam (không quy định Tổng cục Đường bộ Việt Nam).

d) Thực hiện chủ trương của Chính phủ về giảm thuế, phí, lệ phí hỗ trợ người dân và doanh nghiệp trong điều kiện hiện nay, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho quy định: Giảm 30% mức thu phí sử dụng đường bộ đối với xe kinh doanh vận tải hành khách và 10% mức thu phí sử dụng đường bộ đối với xe kinh doanh vận tải hàng hóa; thời gian giảm 06 tháng kể từ ngày Nghị định có hiệu lực thi hành.

## **V. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐÀM VỀ NGUỒN NHÂN LỰC, TÀI CHÍNH ĐỂ BẢO ĐÀM THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH, VIỆC LÔNG GHÉP VẬN ĐÈN BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Nguồn nhân lực, tài chính thực hiện Nghị định**

Nghị định nhằm phù hợp về thẩm quyền Quốc hội giao, cơ bản kế thừa nội dung đang quy định tại Thông tư số 70/2021/TT-BTC. Hoạt động quản lý thu phí vẫn do cơ quan nhà nước quản lý đường bộ và các Trung tâm đăng kiểm

thực hiện. Do đó, không phát sinh thêm nguồn nhân lực, tài chính cho việc thực hiện Nghị định.

## **2. Vấn đề lồng ghép giới**

Việc thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Nghị định dựa trên cơ sở pháp lý, như: Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt; Luật Bình đẳng giới cũng quy định các khái niệm về bình đẳng giới, biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới (Điều 5), chính sách của Nhà nước về bình đẳng giới (Điều 7).

Các quy định trong dự thảo Nghị định đã đảm bảo quyền bình đẳng của tổ chức, cá nhân, của Nam, của Nữ trong việc thực hiện các chính sách. Do đó, dự thảo Nghị định đảm bảo yêu cầu về bình đẳng giới theo quy định. Vấn đề về lồng ghép bình đẳng giới đã được đề cập trong báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong Nghị định này.

## **VI. VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

### **1. Đối với hệ thống pháp luật và hệ thống chính sách thuế, phí, lệ phí**

Dự thảo Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ sẽ được trình Chính phủ ban hành nhằm đồng bộ hệ thống văn bản pháp lý về quản lý phí, lệ phí, ngân sách nhà nước, pháp luật về giao thông đường bộ, góp phần tạo thuận lợi cho việc triển khai thu phí sử dụng đường bộ.

Quy định về tổ chức thu, nộp và quản lý, sử dụng nguồn thu phí sử dụng đường bộ được công khai, minh bạch, tạo sự chủ động cho các đơn vị quản lý thu, nộp và sử dụng phí sử dụng đường bộ; thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính; góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong duy tu, tái tạo, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

### **2. Tác động đối với kinh tế - xã hội**

Hiện nay, mạng lưới đường bộ Việt Nam đang khai thác dài 668.750 km. Hệ thống đường bộ lớn, nhu cầu duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ lớn, trong khi nguồn lực có hạn; điều này dẫn đến hệ thống đường bộ nhanh xuống cấp và gây mất an toàn giao thông cũng như ảnh hưởng đến nhu cầu đi lại của người dân.

Hằng năm, số tiền phí sử dụng đường bộ thu được (khoảng 9.000 tỷ đồng), số tiền này góp phần tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước để đầu tư duy tu, bảo trì hệ thống giao thông đường bộ. Các tuyến đường bộ được sửa chữa kịp thời, bảo đảm hệ thống đường bộ thông suốt, an toàn và phát huy hiệu quả góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, bảo đảm tăng trưởng kinh tế nhanh, phát triển các lĩnh vực văn hoá, xã hội, giảm nhẹ thiên tai, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống nhân dân, xoá đói, giảm nghèo, rút ngắn khoảng cách giữa các vùng, miền.

### **3. Tác động đối với công dân, doanh nghiệp**

Quy định miễn phí sử dụng đường bộ cho một số đối tượng ưu tiên (xe cứu thương, cứu hỏa, tang lễ,...) góp phần đảm bảo thực hiện chính sách của Đảng, Nhà nước về an sinh xã hội, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Quy định các trường hợp không chịu phí đối với một số trường hợp xe không sử dụng đường bộ trong thời gian nhất định đảm bảo tính công bằng cho các tổ chức, cá nhân sử dụng xe ô tô tham gia giao thông: Tổ chức, cá nhân phải nộp phí khi sử dụng ô tô tham gia giao thông; trường hợp tổ chức, cá nhân không tham gia sử dụng đường bộ thì không phải nộp phí.

Quy định giảm 30% mức thu phí sử dụng đường bộ đối với xe kinh doanh vận tải hành khách và 10% mức thu phí sử dụng đường bộ đối với xe kinh doanh vận tải hàng hóa, góp phần hỗ trợ hoạt động kinh doanh vận tải, giảm giá thành vận chuyển, giảm chi phí sản xuất kinh doanh, giảm giá hàng hóa, tăng sức cạnh tranh cho hàng hóa Việt Nam.

### **4. Tác động đối với thu ngân sách nhà nước**

Hàng năm, số tiền phí sử dụng đường bộ thu được (khoảng 9.000 tỷ đồng) Ngân sách nhà nước phải cấp bù sung khoảng 3.000 tỷ đồng/năm để phục vụ công tác quản lý, bảo trì đường bộ. Tuy nhiên, số tiền này mới đảm bảo khoảng 40% nhu cầu chi cho hoạt động bảo trì đường bộ. Như vậy, việc thu phí sử dụng đường bộ góp phần tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước để đầu tư duy tu, bảo trì hệ thống giao thông đường bộ; phục vụ cho hoạt động lưu thông hàng hóa và đi lại của người dân.

Để hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động kinh doanh vận tải, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho giảm phí 06 tháng kể từ ngày Nghị định có hiệu lực thi hành (dự kiến thời gian giảm trong năm 2023). Với mức giảm và thời gian giảm phí như trên, dự kiến năm 2023 sẽ giảm thu NSNN khoảng 390 tỷ đồng.

### **5. Đánh giá tác động đối với cải cách thủ tục hành chính**

Phí được thu tính theo chu kỳ đăng kiểm của xe ô tô và các Trung tâm đăng kiểm là tổ chức thu phí. Cục Đăng kiểm Việt Nam có Hệ thống phần mềm quản lý đăng kiểm phương tiện. Theo đó, khi chủ phương tiện mang xe đến đăng kiểm, Trung tâm đăng kiểm chỉ cần nhập biển số phương tiện, Hệ thống phần mềm sẽ tự động tính toán số phí phải nộp. Cục Đăng kiểm Việt Nam có thể theo dõi chi tiết toàn bộ thông tin về đăng kiểm phương tiện, nộp phí trên toàn quốc 24/24 giờ.

Chủ phương tiện có thể nộp phí cùng với tiền dịch vụ đăng kiểm; nộp trực tiếp bằng tiền mặt, chuyển khoản, thanh toán qua thẻ...; máy tính sẽ tự động in biên lai hoặc chuyển biên lai điện tử (theo yêu cầu của chủ phương tiện).

Quy định về quy trình thu, nộp phí; thủ tục hoàn trả, bù trừ phí đối với trường hợp xe thuộc diện không chịu phí đơn giản, rõ ràng tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp phí cũng như tổ chức thu trong quá trình tổ chức thu, nộp phí.

Trên đây là nội dung dự thảo Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ. Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(Tài liệu kèm: Dự thảo Nghị định; Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia; Báo cáo tình hình thực hiện; Báo cáo đánh giá tác động của dự thảo Nghị định; Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính; Bản tóm hợp ý kiến tham gia)./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Vụ PC;
- Lưu: VT, CST (P5).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG**

**Cao Anh Tuấn**

Số: /2022/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**Dự thảo**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn,  
quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 40/2021/QH15 của Quốc hội ngày 13 tháng 11 năm 2021 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ (phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô) và thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ.

**Điều 2. Đối tượng chịu phí**

1. Đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ là các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đã đăng ký, kiểm định để lưu hành (có giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số xe, có giấy chứng nhận kiểm định), bao gồm: Xe ô tô, xe đầu kéo và các loại xe tương tự (sau đây gọi chung là ô tô).

2. Xe ô tô quy định tại khoản 1 Điều này không chịu phí sử dụng đường bộ trong các trường hợp sau:

- a) Bị hủy hoại do tai nạn hoặc thiên tai.
- b) Bị tịch thu hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.
- c) Bị tai nạn đến mức không thể tiếp tục lưu hành phải sửa chữa từ 30 ngày trở lên.
- d) Xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kinh doanh vận tải (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên.
- d) Xe của doanh nghiệp không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ (chỉ được cấp Giấy chứng nhận kiểm định và không cấp Tem kiểm định theo quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Bộ Giao thông vận tải), chỉ sử dụng trong phạm vi Trung tâm sát hạch lái xe, nhà ga, cảng, khu khai thác khoáng sản, nông, lâm, ngư nghiệp, công trường xây dựng (giao thông, thủy lợi, năng lượng).
- e) Xe đăng ký, đăng kiểm tại Việt Nam nhưng hoạt động tại nước ngoài liên tục từ 30 ngày trở lên.
- g) Xe bị mất trộm trong thời gian từ 30 ngày trở lên.

3. Các trường hợp nêu tại khoản 2 Điều này không chịu phí nếu có đủ hồ sơ đáp ứng các quy định tại Điều 8 Nghị định này. Trường hợp xe ô tô đó đã được nộp phí sử dụng đường bộ, chủ phương tiện sẽ được trả lại số phí đã nộp (áp dụng cho xe ô tô bị hủy hoại; bị tịch thu hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe không tiếp tục lưu hành) hoặc được trừ vào số phí phải nộp của kỳ sau (áp dụng đối với xe ô tô vẫn tiếp tục được lưu hành) tương ứng với thời gian không sử dụng đường bộ.

4. Không áp dụng khoản 2 Điều này đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an.

5. Chưa thu phí đối với xe ô tô mang biển số nước ngoài (bao gồm cả trường hợp xe được cấp đăng ký và biển số tạm thời) được cơ quan có thẩm quyền cho phép tạm nhập, tái xuất có thời hạn theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Các trường hợp miễn phí**

Miễn phí sử dụng đường bộ đối người nộp phí cho xe ô tô sau:

1. Xe cứu thương.
2. Xe chữa cháy.
3. Xe chuyên dùng phục vụ tang lễ, gồm:

a) Xe có kết cấu chuyên dùng phục vụ tang lễ (bao gồm: xe tang, xe tải lạnh dùng để lưu xác và chở xác).

b) Các xe liên quan phục vụ tang lễ (bao gồm: xe chở khách đi cùng xe tang, xe tải chở hoa, xe rước ảnh) là xe chỉ sử dụng cho hoạt động tang lễ có Giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên đơn vị phục vụ tang lễ. Đơn vị phục vụ tang lễ có văn bản cam kết các loại xe này chỉ sử dụng cho hoạt động tang lễ gửi đơn vị đăng kiểm khi kiểm định xe (trong đó nêu cụ thể số lượng xe, biển số xe theo từng loại).

4. Xe ô tô chuyên dùng phục vụ quốc phòng bao gồm các xe mang biển số: Nền màu đỏ, chữ và số màu trắng dập chìm có gắn các thiết bị chuyên dụng cho quốc phòng (bao gồm: xe xi téc, xe cẩu, xe chở lực lượng vũ trang hành quân được hiểu là xe ô tô chở người có từ 12 chỗ ngồi trở lên, xe vận tải có mui che và được lắp đặt ghế ngồi trong thùng xe, xe kiểm soát, xe kiểm tra quân sự, xe chuyên dùng chở phạm nhân, xe cứu hộ, cứu nạn, xe thông tin vệ tinh và các xe ô tô đặc chủng khác phục vụ quốc phòng).

5. Xe ô tô chuyên dùng của các đơn vị thuộc hệ thống tổ chức của công an nhân dân bao gồm:

a) Xe tuần tra kiểm soát giao thông của cảnh sát giao thông có đặc điểm: Trên nóc xe ô tô có đèn xoay và hai bên thân xe ô tô có in dòng chữ: “CẢNH SÁT GIAO THÔNG”.

b) Xe cảnh sát 113 có in dòng chữ: “CẢNH SÁT 113” ở hai bên thân xe.

c) Xe cảnh sát cơ động có in dòng chữ “CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG” ở hai bên thân xe.

d) Xe vận tải có lắp ghế ngồi trong thùng xe của lực lượng công an làm nhiệm vụ.

d) Xe chở phạm nhân, xe cứu hộ, cứu nạn và các xe ô tô chuyên dùng khác của Bộ Công an.

e) Xe ô tô đặc chủng (xe thông tin vệ tinh, xe chống đạn, xe phòng chống khủng bố, chống bạo loạn và các xe ô tô đặc chủng khác của Bộ Công an).

#### **Điều 4. Người nộp phí và tổ chức thu phí**

1. Tổ chức, cá nhân sở hữu, sử dụng hoặc quản lý phương tiện (sau đây gọi chung là chủ phương tiện) thuộc đối tượng chịu phí theo quy định tại Điều 2 Nghị định này là người nộp phí sử dụng đường bộ.

2. Tổ chức thu phí bao gồm:

a) Cơ quan nhà nước quản lý đường bộ được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải giao thu phí đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an.

b) Các đơn vị đăng kiểm thu phí đối với xe ô tô của các tổ chức, cá nhân đăng ký tại Việt Nam (trừ xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an quy định tại điểm a Khoản này) nộp về Cục Đăng kiểm Việt Nam để Cục Đăng kiểm Việt Nam khai, nộp phí theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.

## Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### **Điều 5. Mức thu phí**

1. Mức thu phí sử dụng đường bộ quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp số tiền phí phải nộp là số tiền lẻ thì tổ chức thu phí tính tròn số theo nguyên tắc số tiền phí lẻ dưới 500 đồng thì tính tròn xuống, số tiền phí lẻ từ 500 đồng đến dưới 1.000 đồng thì tính tròn lên 1.000 đồng.

2. Xe ô tô quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2 Nghị định này, chủ xe thực hiện nộp phí như sau:

a) Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày ... tháng ... năm 2023:

- Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách: Nộp phí bằng 70% mức thu phí quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 Mục 1 Biểu mức thu phí sử dụng đường bộ ban hành kèm theo Nghị định này.

- Xe tải, xe ô tô chuyên dùng, xe đầu kéo: Nộp phí bằng 90% mức thu phí quy định tại điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5, điểm 6, điểm 7, điểm 8 Mục 1 Biểu mức thu phí sử dụng đường bộ ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Kể từ ngày ... tháng ... năm 2023 trở đi: nộp phí theo mức thu phí quy định tại Mục 1 Biểu mức thu phí sử dụng đường bộ ban hành kèm theo Nghị định này.

### **Điều 6. Phương thức tính, nộp phí**

1. Đối với xe ô tô của các tổ chức, cá nhân đăng ký tại Việt Nam (trừ xe của lực lượng quốc phòng, công an quy định tại khoản 2 Điều này).

Đối với xe kiểm định lần đầu, thời điểm tính phí sử dụng đường bộ tính từ ngày phương tiện được cấp Giấy chứng nhận kiểm định. Đối với xe cải tạo, chuyển đổi công năng hoặc chuyển đổi sở hữu từ tổ chức sang cá nhân (và ngược lại) thì mức thu phí tính từ ngày chuyển đổi công năng hoặc chuyển đổi sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký mới của xe.

Phí sử dụng đường bộ tính theo năm, tháng hoặc theo chu kỳ kiểm định của xe. Đơn vị đăng kiểm cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ tương ứng với thời gian nộp phí. Cụ thể như sau:

a) Tính, nộp phí theo chu kỳ kiểm định

a.1) Đối với xe ô tô có chu kỳ kiểm định từ 01 năm trở xuống: Chủ phương tiện thực hiện nộp phí sử dụng đường bộ cho cả chu kỳ kiểm định và được cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ tương ứng với thời gian nộp phí.

a.2) Đối với xe ô tô có chu kỳ kiểm định trên 01 năm (18 tháng, 24 tháng và 30 tháng): Chủ phương tiện phải nộp phí sử dụng đường bộ theo năm (12 tháng) hoặc nộp cho cả chu kỳ kiểm định (18 tháng, 24 tháng và 30 tháng).

Trường hợp nộp phí theo chu kỳ kiểm định (18 tháng, 24 tháng và 30 tháng):  
Đơn vị đăng kiểm cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ tương ứng với chu kỳ kiểm định. Hết thời hạn nộp phí (chu kỳ kiểm định), chủ phương tiện phải đến đơn vị đăng kiểm để kiểm định và nộp phí cho chu kỳ kiểm định tiếp theo.

Trường hợp nộp phí theo năm (12 tháng): Đơn vị đăng kiểm cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ tương ứng với thời gian nộp phí 12 tháng. Hết thời hạn nộp phí (12 tháng), chủ phương tiện phải đến đơn vị đăng kiểm nộp phí và được cấp Tem nộp phí của thời gian tiếp theo (12 tháng hoặc thời gian còn lại của chu kỳ đăng kiểm).

a.3) Trường hợp chủ phương tiện đến kiểm định sớm hơn hoặc chậm hơn thời gian theo chu kỳ kiểm định quy định, đơn vị đăng kiểm kiểm tra xe và tính tiền phí sử dụng đường bộ nối tiếp từ thời điểm cuối của khoảng thời gian đã nộp phí sử dụng đường bộ lần trước cho đến hết chu kỳ kiểm định của kỳ tiếp theo (nếu chu kỳ kiểm định tiếp theo trên 12 tháng, chủ phương tiện có thể nộp đến 12 tháng hoặc nộp cả chu kỳ kiểm định). Trường hợp thời gian tính phí không tròn tháng thì số phí phải nộp sẽ tính bằng số ngày lẻ chia 30 ngày nhân với mức phí của 01 tháng.

a.4) Trường hợp chủ phương tiện chưa nộp phí sử dụng đường bộ của các chu kỳ kiểm định trước theo thời hạn quy định thì ngoài số phí phải nộp cho chu kỳ tiếp theo, chủ phương tiện còn phải nộp số phí chưa nộp của chu kỳ trước. Trường hợp chu kỳ kiểm định có thời gian trước ngày 01 tháng 01 năm 2013 thì thời điểm xác định phí tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013. Đơn vị đăng kiểm sẽ truy thu số phí phải nộp của chu kỳ trước, số phí phải nộp bằng mức thu phí của 01 tháng nhân với thời gian nộp chậm.

a.5) Trường hợp chủ phương tiện muốn nộp phí cho thời gian dài hơn chu kỳ kiểm định, đơn vị đăng kiểm thu phí và cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ tương ứng với thời gian nộp phí.

a.6) Đối với các xe bị tịch thu, bị thu hồi bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; xe của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (mang biển kiểm soát màu xanh); xe của lực lượng quốc phòng, công an thanh lý; xe thê chấp bị tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thu hồi mà trong thời gian bị tịch thu, thu hồi, chờ thanh lý không kiểm định để lưu hành sau đó được bán phát mại, thanh lý thì chủ mới của phương tiện chỉ phải nộp phí sử dụng đường bộ từ thời điểm mang xe đi kiểm định để lưu hành. Khi kiểm định lưu hành, chủ phương tiện phải xuất trình cho cơ quan đăng kiểm các giấy tờ liên quan như: Quyết định tịch thu hoặc thu hồi của cấp có thẩm quyền; Quyết định thu hồi tài sản thê chấp; Quyết định cho phép thanh lý tài sản đối với các tài sản thuộc sở hữu của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng quốc phòng, công an; Biên bản hoặc hợp đồng thực hiện hoàn tất thủ tục mua tài sản được bán thanh lý, bán đấu giá.

Trường hợp xe bán thanh lý, phát mại đã nộp phí qua thời điểm đi kiểm định lại để lưu hành thì chủ phương tiện nộp phí tính từ thời điểm nối tiếp theo kỳ hạn đã nộp phí của chu kỳ trước.

b) Nộp phí theo năm dương lịch

Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu nộp phí theo năm dương lịch gửi thông báo bằng văn bản (lần đầu hoặc khi phát sinh tăng, giảm phương tiện) đến đơn vị đăng kiểm và thực hiện nộp phí theo năm dương lịch đối với các phương tiện của mình.

Hàng năm, trước ngày 01 tháng 01 của năm tiếp theo, chủ phương tiện phải đến đơn vị đăng kiểm nộp phí cho năm tiếp theo. Khi thu phí, đơn vị đăng kiểm cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ cho từng xe tương ứng thời gian nộp phí.

c) Nộp phí theo tháng

Doanh nghiệp có số phí phải nộp từ 30 triệu đồng/tháng trở lên được thực hiện nộp phí theo tháng. Doanh nghiệp có văn bản (lần đầu hoặc khi phát sinh tăng, giảm phương tiện) gửi đơn vị đăng kiểm và thực hiện nộp phí đối với các phương tiện của mình.

Hàng tháng, trước ngày 01 của tháng tiếp theo, doanh nghiệp phải đến đơn vị đăng kiểm (đã đăng ký nộp phí theo tháng) nộp phí cho tháng tiếp theo. Khi thu phí, tổ chức thu phí cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ tương ứng thời gian nộp phí.

2. Đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an: Phí sử dụng đường bộ nộp theo năm, theo mức thu quy định tại điểm 2, điểm 3 Phụ lục I Biểu mức thu phí sử dụng đường bộ kèm theo Nghị định này.

3. Khi thu phí, tổ chức thu phí phải lập và cấp biên lai thu phí cho người nộp phí theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ và văn bản hướng dẫn thực hiện của Bộ Tài chính.

## **Điều 7. Quản lý và sử dụng phí**

1. Tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước quản lý đường bộ nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách trung ương. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do ngân sách nhà nước bù trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo quy định.

Trường hợp tổ chức thu phí thuộc diện được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí được trích để lại một phần hai trăm (1,2%) số tiền phí thực thu để trang trải chi phí quản lý hoạt động thu phí sử dụng đường bộ theo quy định. Số tiền còn lại, tổ chức thu phí phải nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của tổ chức thu phí mờ tại Kho bạc Nhà nước trong thời hạn tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày thu phí.

## 2. Đối với các đơn vị đăng kiểm thực hiện thu phí

a) Đơn vị thu phí được trích để lại một phẩy ba mươi hai phần trăm (1,32%) số tiền phí sử dụng đường bộ thực thu để chi cho các nội dung sau:

- Trang trải chi phí tổ chức thu theo quy định.

- Trích chuyển về Cục Đăng kiểm Việt Nam ba phần trăm (3%) số tiền được để lại (1,32%) để phục vụ công tác quản lý thu, nộp phí sử dụng đường bộ của hệ thống đơn vị đăng kiểm trên toàn quốc.

b) Trả lại tiền phí đối với các trường hợp không chịu phí quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này.

c) Số tiền còn lại (sau khi trừ số tiền quy định tại điểm a và điểm b Khoản này) tổ chức thu phí chuyển về tài khoản chuyên thu của Cục Đăng kiểm Việt Nam trong thời gian tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày thu phí. Cục Đăng kiểm Việt Nam nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước trong thời hạn tối đa không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thu phí chuyển về tài khoản chuyên thu của Cục Đăng kiểm Việt Nam. *Tiền lãi phát sinh trên số dư tài khoản chuyên thu phí của Cục Đăng kiểm Việt Nam phải nộp vào ngân sách nhà nước.*

3. Cục Đăng kiểm Việt Nam và cơ quan nhà nước quản lý đường bộ thực hiện kê khai, nộp phí thu được theo tháng, quyết toán theo năm theo quy định tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

Cục Đăng kiểm Việt Nam nộp số tiền phí (quy định tại điểm c khoản 2 Điều này), cơ quan nhà nước quản lý đường bộ nộp toàn bộ số tiền phí thu được (trường hợp được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều này thì nộp 98,8% số tiền phí thu được) vào ngân sách trung ương theo Chương của Bộ Giao thông vận tải và chi tiết theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

4. Số tiền phí được để lại chi của tổ chức thu phí: Trường hợp tổ chức thu phí áp dụng cơ chế tài chính doanh nghiệp, số tiền phí được để lại là doanh thu của đơn vị và thực hiện khai, nộp thuế (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp) theo quy định pháp luật về thuế; trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, số tiền phí được để lại quản lý, sử dụng theo quy định.

## **Điều 8. Trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp**

1. Đối với xe ô tô quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định này nếu đã nộp phí thì chủ phương tiện được trả lại phí đã nộp hoặc được bù trừ vào số phí phải nộp của kỳ sau.

a) Đối với xe ô tô quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định này trước khi mang xe đi sửa chữa, chủ phương tiện phải xuất trình Biên bản hiện trường tai nạn có xác nhận của cơ quan công an và nộp lại Tem kiểm định, Giấy chứng nhận

kiểm định cho đơn vị đăng kiểm gần nhất để có căn cứ trả lại phí sau khi phương tiện hoàn thành việc sửa chữa và kiểm định lại để tiếp tục lưu hành.

b) Hồ sơ trả lại phí hoặc bù trừ vào số phí sử dụng đường bộ kỳ sau (sau đây gọi chung là trả lại phí) bao gồm:

b.1) Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

b.2) Bản chụp các giấy tờ chứng minh thời gian không được sử dụng phương tiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định này (Quyết định tịch thu hoặc thu hồi xe của cơ quan có thẩm quyền, văn bản thu hồi giấy đăng ký và biển số xe).

b.3) Bản chụp biên lai thu phí. Trường hợp bị mất biên lai thu phí, chủ phương tiện đề nghị đơn vị đăng kiểm nơi nộp phí cấp bản chụp biên lai thu phí.

b.4) Riêng đối với xe ô tô quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định này ngoài các giấy tờ nêu trên, chủ phương tiện còn phải cung cấp Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Thời gian tính trả lại hoặc bù trừ phí từ thời điểm cơ quan chức năng thu giữ Tem và Giấy chứng nhận kiểm định.

c) Hồ sơ trả lại phí được nộp tại đơn vị đăng kiểm. Khi nộp hồ sơ, đối với các bản chụp, người đề nghị trả lại phí phải mang theo bản chính để đơn vị đăng kiểm đối chiếu. Khi tiếp nhận hồ sơ, đơn vị đăng kiểm đóng dấu tiếp nhận, ghi thời gian nhận và ghi nhận các tài liệu trong hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ trả lại phí chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, đơn vị đăng kiểm phải thông báo cho người nộp hồ sơ để hoàn chỉnh.

d) Chậm nhất là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đề nghị trả lại phí, căn cứ hồ sơ đề nghị trả lại phí của chủ phương tiện, thủ trưởng đơn vị đăng kiểm ra Quyết định về việc trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại/bù trừ tiền phí theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này gửi người đề nghị trả lại phí.

e) Số phí được trả lại hoặc bù trừ cho chủ phương tiện tương ứng với số phí đã nộp cho thời gian phương tiện không sử dụng.

g) Quyết định về việc trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ là căn cứ để đơn vị đăng kiểm kê khai, quyết toán số tiền phí đã trả lại hoặc bù trừ vào số phí phải nộp kỳ sau.

2. Đối với xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp kinh doanh vận tải tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên.

a) Khi tạm dừng lưu hành

a.1) Doanh nghiệp gửi hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải nơi quản lý, cấp phép hoạt động kinh doanh vận tải hoặc nơi sử dụng phương tiện (đối với trường hợp mang phương tiện đến địa phương khác sử dụng), bao gồm: Đơn xin tạm dừng lưu hành theo Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; Giấy phép kinh doanh vận tải bằng ô tô (bản chụp).

a.2) Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ (kiểm tra các điều kiện: Các xe xin tạm dừng lưu hành là xe kinh doanh vận tải và thuộc sở hữu của doanh nghiệp; thời gian xin tạm dừng lưu hành của từng xe phải liên tục từ 30 ngày trở lên).

- Trường hợp chưa đủ điều kiện thì ra Thông báo về việc không đủ điều kiện đăng ký tạm dừng lưu hành theo Mẫu số 06 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và trả lại doanh nghiệp để hoàn thiện lại hồ sơ. Thời gian thực hiện 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn.

- Trường hợp đủ điều kiện, Sở Giao thông vận tải ký xác nhận vào Đơn xin tạm dừng lưu hành, đồng thời lập Biên bản tạm giữ phù hiệu, biển hiệu kinh doanh vận tải theo Mẫu số 07 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; thời gian thực hiện 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn.

a.3) Doanh nghiệp lập hồ sơ nộp cho đơn vị đăng kiểm xe cơ giới trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi được Sở Giao thông vận tải xác nhận vào đơn. Hồ sơ bao gồm: Đơn xin tạm dừng lưu hành bản chính (có xác nhận của Sở Giao thông vận tải); biên bản tạm giữ phù hiệu, biển hiệu (đối với xe thuộc diện cấp biển hiệu, phù hiệu); biên lai thu phí sử dụng đường bộ (bản chụp).

#### a.4) Đơn vị đăng kiểm nhận và kiểm tra hồ sơ

- Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp thì ra Thông báo theo Mẫu số 08 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và trả lại doanh nghiệp để hoàn thiện lại hồ sơ, thời gian thực hiện 01 ngày làm việc.

- Trường hợp đủ điều kiện thì lập Biên bản thu Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 12 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, thời gian thực hiện 01 ngày làm việc.

a.5) Ngày Sở Giao thông vận tải xác nhận vào Đơn xin tạm dừng lưu hành là căn cứ xác định thời gian tạm dừng lưu hành, để xét thuộc trường hợp không chịu phí.

Trường hợp thời gian tạm dừng lưu hành thực tế lớn hơn so với thời gian dự kiến trên 30 ngày, chậm nhất là ngày thứ 30 kể từ ngày kết thúc tạm dừng lưu hành theo dự kiến doanh nghiệp phải làm Đơn xin tạm dừng lưu hành gửi Sở Giao thông vận tải xác nhận bổ sung. Trường hợp doanh nghiệp không làm Đơn hoặc làm Đơn xin tạm dừng lưu hành đã có xác nhận của Sở Giao thông vận tải nhưng doanh nghiệp không nộp cho đơn vị đăng kiểm trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày Sở Giao thông vận tải xác nhận thì doanh nghiệp vẫn phải chịu phí cho phương tiện tạm dừng lưu hành thực tế lớn hơn so với thời gian dự kiến.

Trường hợp thời gian tạm dừng lưu hành thực tế lớn hơn so với thời gian dự kiến không quá 30 ngày, doanh nghiệp không phải làm Đơn xin tạm dừng lưu hành bổ sung.

a.6) Trường hợp doanh nghiệp chưa nộp phí sử dụng đường bộ đối với xe đề nghị tạm dừng lưu hành tính đến thời điểm tạm dừng lưu hành thì phải nộp đủ phí sử dụng đường bộ cho đơn vị đăng kiểm tính đến thời điểm dừng lưu hành.

b) Khi doanh nghiệp có nhu cầu lưu hành lại các xe đã đề nghị tạm dừng lưu hành thực hiện các thủ tục sau:

b.1) Doanh nghiệp gửi đơn vị đăng kiểm (nơi đã nộp hồ sơ đề nghị tạm dừng lưu hành) hồ sơ đề nghị cấp lại Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ, gồm: Đơn đề nghị cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 13 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, biên bản thu Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ (bản chính).

#### b.2) Đơn vị đăng kiểm kiểm tra hồ sơ

- Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo hoặc số ngày thực tế xe tạm dừng lưu hành (tính từ thời điểm tạm dừng lưu hành đến ngày đề nghị lưu hành trở lại) chưa đảm bảo thời gian liên tục từ 30 ngày trở lên thì đơn vị đăng kiểm ra Thông báo chưa đủ điều kiện xét thuộc diện không chịu phí theo Mẫu số 08 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, thời gian thực hiện 01 ngày làm việc.

- Trường hợp hồ sơ đảm bảo, số ngày thực tế xe tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên và có đủ xác nhận của Sở Giao thông vận tải, đơn vị đăng kiểm tính toán số phí được bù trừ, số phí phải nộp bổ sung (nếu có) trên cơ sở mức thu của một tháng chia cho 30 ngày và nhân với số ngày nghỉ lưu hành, thời gian thực hiện 01 ngày làm việc.

Trường hợp xe chưa được nộp phí kể từ ngày dừng lưu hành thì số phí phải nộp sẽ được tính từ thời điểm đăng ký lưu hành trở lại cho đến chu kỳ đăng kiểm tiếp theo, theo quy định.

Trường hợp xe đã được nộp phí thì sẽ được bù trừ số phí tương ứng trong thời gian tạm dừng lưu hành vào số tiền phí phải nộp của kỳ tiếp theo. Đơn vị đăng kiểm ký Quyết định bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II.

Trường hợp số tiền được bù trừ nhỏ hơn số phí phải nộp của kỳ nộp phí sau thì doanh nghiệp phải nộp số phí bổ sung cho khoảng thời gian chênh lệch giữa thời gian phải nộp phí theo chu kỳ đăng kiểm và thời gian được tính đối trừ phí, đơn vị đăng kiểm cấp biên lai thu phí theo số tiền phải nộp bổ sung.

Cấp lại Tem kiểm định đối với trường hợp Tem kiểm định còn thời hạn (không thu tiền dịch vụ liên quan đến cấp lại tem kiểm định). Trường hợp Tem kiểm định hết hạn thì thực hiện kiểm định và cấp Tem kiểm định cho chu kỳ kiểm định mới.

#### b.3) Sở Giao thông vận tải cấp lại phù hiệu, biển hiệu

Đối với xe bị tạm giữ phù hiệu, biển hiệu, doanh nghiệp nộp hồ sơ xin cấp lại biển hiệu, phù hiệu cho Sở Giao thông vận tải (nơi tạm giữ phù hiệu, biển hiệu) bao gồm: Đơn đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu theo Mẫu số 09 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, Quyết định về việc bù trừ phí sử dụng đường bộ hoặc biên lai thu phí trong trường hợp chưa nộp phí cho thời gian dừng lưu hành (nộp bản chụp và mang bản chính để đối chiếu).

Sở Giao thông vận tải xem xét hồ sơ, cấp lại phù hiệu, biển hiệu (nếu có) cho doanh nghiệp, thời gian thực hiện 02 ngày làm việc.

### 3. Đối với xe ô tô quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Nghị định này:

#### a) Doanh nghiệp lập hồ sơ gửi Sở Giao thông vận tải gồm:

- Đơn xin xác nhận xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ theo Mẫu số 10 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

- Bản chụp giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

- Bản chụp giấy đăng ký xe (của từng xe xin xác nhận).

#### b) Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, Sở Giao thông vận tải thông báo cho doanh nghiệp bổ sung hồ sơ chậm nhất trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện xem xét, Sở Giao thông vận tải tiến hành kiểm tra thực tế doanh nghiệp và xác nhận vào Đơn xin xác nhận nếu các phương tiện đủ điều kiện theo nội dung kê khai của doanh nghiệp, thời gian thực hiện chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ. Trường hợp kết quả kiểm tra không đúng với đơn xin xác nhận, doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện lại hồ sơ, để Sở Giao thông vận tải xác nhận.

- c) Doanh nghiệp nộp 01 bản Đơn xin xác nhận (có xác nhận của Sở Giao thông vận tải) cho đơn vị đăng kiểm, nơi doanh nghiệp đưa xe đến kiểm định.

- d) Đơn vị đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu với Đơn xin xác nhận có dấu xác nhận của Sở Giao thông vận tải, lập Biên bản thu Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ (nếu có) theo Mẫu số 12 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp phương tiện chưa nộp phí tính đến ngày xin xác nhận xe không tham gia giao thông thì tính và thu phí sử dụng đường bộ đến ngày xin xác nhận xe không tham gia giao thông; trường hợp đã nộp phí qua thời ngày xin xác nhận xe không tham gia giao thông thì hoàn trả số phí đã nộp tính từ ngày xin xác nhận xe không tham gia giao thông đến hết ngày đã nộp phí theo biên lai thu phí, thời gian thực hiện 01 ngày làm việc.

- Trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, nếu có sự tăng, về số lượng xe thuộc đối tượng này, doanh nghiệp làm Đơn đề nghị xác nhận bổ sung gửi Sở Giao thông vận tải theo thủ tục nêu trên.

- Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cho phép lưu hành xe trên hệ thống giao thông đường bộ (tùy điện không chịu phí sang chịu phí), doanh nghiệp đến đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại, nộp phí sử dụng đường bộ để được tham gia giao thông. Đơn vị đăng kiểm kiểm tra, tính và thu phí cho phương tiện kể từ ngày chủ phương tiện đến đăng ký lưu hành trở lại, thời gian thực hiện 01 ngày làm việc.

4. Đối với xe ô tô quy định tại điểm e khoản 2 Điều 2 Nghị định này có các giấy tờ xuất cảnh, nhập cảnh của cấp có thẩm quyền nếu thời gian hoạt động ở nước ngoài từ 30 ngày trở lên thì chủ phương tiện không phải chịu phí cho thời gian này. Chủ phương tiện cung cấp giấy tờ chứng minh xe được xuất cảnh, nhập cảnh cho đơn vị đăng kiểm khi đăng kiểm; giấy tờ này được công chứng, chứng thực; nếu là bản chụp thì chủ phương tiện phải có bản gốc để đối chiếu. Trường hợp xe đã được nộp phí cho thời gian hoạt động tại nước ngoài thì đơn vị đăng kiểm sẽ tính bù trừ số phí phải nộp của kỳ tiếp theo, thời gian thực hiện 01 ngày làm việc.

5. Đối với xe ô tô quy định tại điểm g khoản 2 Điều 2 Nghị định này chủ phương tiện phải xuất trình Đơn trình báo về việc mất tài sản có xác nhận của cơ quan công an. Trường hợp xe đã được nộp phí cho thời gian bị mất từ 30 ngày trở lên thì đơn vị đăng kiểm sẽ tính trả lại (hoặc bù trừ số phí phải nộp của kỳ tiếp theo nếu tìm lại được phương tiện), thời gian thực hiện 01 ngày làm việc.

Trường hợp tìm thấy phương tiện thì chủ phương tiện phải cung cấp cho đơn vị đăng kiểm Biên bản bàn giao tài sản do cơ quan công an thu hồi giao cho chủ phương tiện.

6. Trong trường hợp tổ chức thu phí phát hiện việc thu sai mức phí quy định hoặc nhầm loại phương tiện, đơn vị đăng kiểm phải liên hệ với chủ phương tiện để thu bổ sung (nếu thu thiếu) và trả lại phí (nếu thu thừa) cho chủ phương tiện. Trong các trường hợp này, đơn vị đều phải lập Biên bản xử lý việc thu sai mức phí sử dụng đường bộ giữa tổ chức thu phí và chủ phương tiện theo Mẫu số 11 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này để làm cơ sở thu bổ sung hoặc trả lại phí.

7. Đối với các xe thuộc lực lượng quốc phòng, công an sau khi thanh lý thì chịu phí sử dụng đường bộ theo quy định tại điểm 1 Phụ lục I Biểu mức thu phí sử dụng đường bộ kèm theo Nghị định này kể từ khi xe được cấp biển số mới.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 9. Tổ chức thực hiện**

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm:

a) Hàng năm vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, Cục Đăng

kiểm Việt Nam có văn bản hướng dẫn các đơn vị đăng kiểm trên toàn quốc dự kiến số thu phí sử dụng đường bộ, thống nhất phương thức thực hiện, gửi Cục Đăng kiểm Việt Nam làm cơ sở lập dự toán gửi Bộ Giao thông vận tải tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền. Trên cơ sở dự toán thu phí được Bộ Giao thông vận tải giao hàng năm, Cục Đăng kiểm Việt Nam có văn bản triển khai nhiệm vụ thu phí đến từng đơn vị đăng kiểm trên cả nước.

b) Tổ chức in ấn, cấp phát và quản lý sử dụng Tem nộp phí sử dụng đường bộ đối với ô tô theo mẫu được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.

c) Quản lý thu, nộp, trả lại phí; đôn đốc, kiểm tra hoạt động thu phí sử dụng đường bộ của các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới trên cả nước (số thu, số nộp hàng năm) để đảm bảo đơn vị đăng kiểm nộp đầy đủ, đúng hạn khoản thu phí sử dụng đường bộ vào ngân sách nhà nước. Báo cáo Bộ Giao thông vận tải tổ chức thực hiện kiểm tra, quyết toán thu phí sử dụng đường bộ đối với các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới theo quy định.

## 2. Các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới có trách nhiệm:

a) Thực hiện nhiệm vụ thu phí, quản lý thu nộp, trả lại phí sử dụng đường bộ đối với các phương tiện đến đăng kiểm theo đúng quy định của Nghị định này và hướng dẫn của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Thực hiện chuyển số tiền phí sử dụng đường bộ thu được về tài khoản chuyên thu phí sử dụng đường bộ theo quy định của Nghị định này và theo hướng dẫn của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

c) Hàng năm, gửi báo cáo quyết toán thu phí sử dụng đường bộ trong năm về Cục Đăng kiểm Việt Nam trước ngày 20 tháng 01 năm sau để Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện quyết toán theo quy định pháp luật.

3. Cơ quan nhà nước quản lý về đường bộ lập dự toán và báo cáo kết quả thu phí sử dụng đường bộ hàng năm gửi Bộ Giao thông vận tải tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

## 4. Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm

a) Căn cứ số dự kiến thu phí sử dụng đường bộ năm kế hoạch do Cục Đăng kiểm Việt Nam và Cơ quan nhà nước quản lý về đường bộ xây dựng, Bộ Giao thông vận tải lập dự toán thu phí sử dụng đường bộ và tổng hợp chung trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Giao thông vận tải, gửi Bộ Tài chính cùng thời điểm thảo luận dự toán thu - chi ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Tổng hợp đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung văn bản thu phí (nếu có) gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ.

c) Xây dựng hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu, chỉ đạo tổ chức có liên quan truy cập, khai thác dữ liệu điện tử nộp phí sử dụng đường bộ trên Cổng dịch vụ công Quốc gia và cấp Tem sử dụng đường bộ có mã QR cho chủ phương tiện.

5. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm: Kiểm tra, xác nhận, cấp, thu hồi biển hiệu, phù hiệu đối với xe ô tô thuộc diện không chịu phí theo quy định tại Nghị định này.

#### **Điều 10. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.
2. Bãi bỏ:
  - a) Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 09/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ đã ban hành bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về quỹ bảo trì đường bộ.
  - b) Thông tư số 70/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.
3. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí sử dụng đường bộ không quy định tại Nghị định này, thực hiện theo quy định tại Luật Phí và lệ phí, Luật Quản lý thuế, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.
4. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viễn dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.
5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (Sb).

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**

**Phụ lục I**

(Kèm theo Nghị định số /2022/NĐ-CP  
ngày tháng năm 2022 của Chính phủ)

**BIỂU MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ**

**1. Mức thu phí (trừ quy định tại điểm 2 và điểm 3 dưới đây)**

Số TT	Loại phương tiện chịu phí	Mức thu (nghìn đồng)						
		1 tháng	3 tháng	6 tháng	12 tháng	18 tháng	24 tháng	30 tháng
1	Xe chở người dưới 10 chỗ đăng ký tên cá nhân, hộ kinh doanh.	130	390	780	1.560	2.280	3.000	3.660
2	Xe chở người dưới 10 chỗ (trừ xe quy định tại điểm 1 nêu trên); xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ dưới 4.000 kg; các loại xe buýt vận tải hành khách công cộng (bao gồm cả xe đưa đón học sinh, sinh viên, công nhân được hưởng chính sách trợ giá như xe buýt); xe chở hàng và xe chở người 4 bánh có gắn động cơ.	180	540	1.080	2.160	3.150	4.150	5.070
3	Xe chở người từ 10 chỗ đến dưới 25 chỗ; xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 4.000 kg đến dưới 8.500 kg	270	810	1.620	3.240	4.730	6.220	7.600
4	Xe chở người từ 25 chỗ đến dưới 40 chỗ; xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 8.500 kg đến dưới 13.000 kg	390	1.170	2.340	4.680	6.830	8.990	10.970
5	Xe chở người từ 40 chỗ trở lên; xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 13.000 kg đến dưới 19.000 kg; xe đầu kéo có khối lượng bán thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo đến dưới 19.000 kg	590	1.770	3.540	7.080	10.340	13.590	16.600
6	Xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 19.000 kg đến dưới 27.000 kg; xe đầu kéo có khối lượng bán thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo từ 19.000 kg đến dưới 27.000 kg	720	2.160	4.320	8.640	12.610	16.590	20.260

Số TT	Loại phương tiện chịu phí	Mức thu (nghìn đồng)						
		1 tháng	3 tháng	6 tháng	12 tháng	18 tháng	24 tháng	30 tháng
7	Xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 27.000 kg trở lên; xe đầu kéo có khối lượng bản thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo từ 27.000 kg đến dưới 40.000 kg	1.040	3.120	6.240	12.480	18.220	23.960	29.270
8	Xe đầu kéo có khối lượng bản thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo từ 40.000 kg trở lên	1.430	4.290	8.580	17.160	25.050	32.950	40.240

Ghi chú:

- Mức thu của 01 tháng năm thứ 2 (từ tháng thứ 13 đến tháng thứ 24 tính từ khi đăng kiểm và nộp phí) bằng 92% mức phí của 01 tháng trong Biểu nêu trên.

- Mức thu của 01 tháng năm thứ 3 (từ tháng thứ 25 đến tháng thứ 30 tính từ khi đăng kiểm và nộp phí) bằng 85% mức phí của 01 tháng trong Biểu nêu trên.

- Thời gian tính phí theo Biểu nêu trên tính từ khi đăng kiểm xe, không bao gồm thời gian của chu kỳ đăng kiểm trước. Trường hợp chủ phương tiện chưa nộp phí của chu kỳ trước thì phải nộp bổ sung tiền phí của chu kỳ trước, số tiền phải nộp = Mức thu 01 tháng x Số tháng phải nộp của chu kỳ trước.

- Khối lượng toàn bộ là: Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông ghi trên giấy chứng nhận kiểm định của phương tiện.

## 2. Mức thu phí đối với xe của lực lượng quốc phòng

Số TT	Loại phương tiện	Mức thu (nghìn đồng/năm)
1	Xe ô tô con quân sự	1.000
2	Xe ô tô vận tải quân sự	1.500

## 3. Mức thu phí đối với xe của lực lượng công an

Số TT	Loại phương tiện	Mức thu (nghìn đồng/năm)
1	Xe dưới 7 chỗ ngồi	1.000
2	Xe ô tô từ 7 chỗ ngồi trở lên, xe khách, xe vận tải, xe ô tô chuyên dùng	1.500

## Phụ lục II

*(Kèm theo Nghị định số /2022/NĐ-CP  
ngày tháng năm 2022 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ
Mẫu số 02	Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định
Mẫu số 03	Quyết định về việc trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ
Mẫu số 04	Thông báo về việc không được trả lại/bù trừ tiền phí
Mẫu số 05	Đơn xin tạm dừng lưu hành
Mẫu số 06	Thông báo về việc không đủ điều kiện đăng ký tạm dừng lưu hành
Mẫu số 07	Biên bản tạm giữ phù hiệu, biển hiệu kinh doanh vận tải
Mẫu số 08	Thông báo chưa đủ điều kiện xét thuộc diện không chịu phí
Mẫu số 09	Đơn đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu
Mẫu số 10	Đơn xin xác nhận xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ
Mẫu số 11	Biên bản xử lý việc thu sai mức phí sử dụng đường bộ
Mẫu số 12	Biên bản thu Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ
Mẫu số 13	Đơn đề nghị cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ

Mẫu số 01

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng.... năm 20...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**  
**Trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ**

Kính gửi: ..... (*tên cơ quan trả lại/bù trừ phí*) .....

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại/bù trừ phí**

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Số CMND/Căn cước/Hộ chiếu: ..... Điện thoại: .....

Địa chỉ :..... Quận/huyện: ..... Tỉnh/thành phố: .....

**II. Nội dung đề nghị trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ**

1. Thông tin về khoản phí đề nghị trả lại/bù trừ:

- Phương tiện đã nộp phí: ..... (*loại xe, biển số xe*) .....
- Thời gian đã nộp phí: Từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....
- Số tiền phí đã nộp: .....
- Số tiền phí đề nghị trả lại/bù trừ: .....
- Lý do đề nghị trả lại/bù trừ: .....

2. Hình thức đề nghị trả phí

2.1. Bù trừ:

2.2. Trả lại tiền phí: Tiền mặt:  Chuyển khoản:

Chuyển tiền vào tài khoản số: ..... tại ngân hàng: .....

(hoặc) Người nhận tiền: ..... Số CMND/Căn cước/HC: .....

cấp ngày ..... tại .....

**III. Tài liệu gửi kèm (ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản *chụp sao*)**

1.....

2.....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật  
về những số liệu đã khai./.

**Người đề nghị**  
*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)*

Mẫu số 02

**TÊN ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.... tháng.... năm 20...

**BIÊN BẢN****Thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định**

Vào hồi .... giờ.... ngày ... tháng ... năm 20....

Tại đơn vị đăng kiểm xe cơ giới:....., địa chỉ:.....  
điện thoại:.....

Chúng tôi gồm:

**I. Đại diện cho đơn vị đăng kiểm xe cơ giới**

1. Ông: ....., Chức vụ: Lãnh đạo.
2. Ông: ....., Chức vụ: nhân viên.

**II. Đại diện cho chủ phương tiện có biển số phương tiện: .....**Ông: ....., là chủ phương tiện/lái xe. Số điện thoại:.....  
Số CMND/Căn cước/Giấy phép lái xe:.....; nơi cấp:....., ngày  
cấp..../.../20...

Cùng nhau lập Biên bản xác nhận thời điểm thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định làm cơ sở để tính trả lại phí hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ trong thời gian sửa chữa, phục hồi tình trạng kỹ thuật sau tai nạn, cụ thể:

Ông ..... đã nộp lại Tem và Giấy chứng nhận kiểm định có số sê ri: ..... do... (đơn vị đăng kiểm xe cơ giới) ..... cấp ngày:..../.../20... có hiệu lực đến ngày ..../..../20....

Lý do: Xe bị tai nạn giao thông không thể lưu hành được phải sửa chữa.

Biên bản được lập thành hai bản có giá trị như nhau, 01 bản giao cho chủ phương tiện, 01 bản lưu tại đơn vị đăng kiểm thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định.

**CHỦ PHƯƠNG  
TIỆN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**NHÂN VIÊN ĐƠN VỊ  
ĐĂNG KIỂM**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
ĐĂNG KIỂM**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ  
và đóng dấu)

**TÊN ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.... tháng.... năm 20...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ**

**CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Nghị định số .../2022/NĐ-CP ngày /2022 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ;

Căn cứ vào Giấy đề nghị trả lại/bù trừ tiền phí (hoặc đơn đề nghị lưu hành trả lại) ngày .../.../20.. kèm theo hồ sơ của: ....(Tên người nộp phí);

Theo đề nghị của .....

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ cho.. (Tên người nộp phí):....

- Tổng số tiền phí là: ..... đồng (bằng chữ: .....)

- Phương tiện được trả lại/bù trừ: ..(Loại xe, biển số xe hoặc danh sách phương tiện kèm theo)

- Thời gian phương tiện không sử dụng và được trả lại/bù trừ phí: Từ ngày ..../..../.... đến ngày ..../..../....

Lý do trả lại/bù trừ phí: .....

Hình thức trả lại/bù trừ tiền: Bù trừ  ; Trả lại: Tiền mặt  Chuyển khoản

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.....(Tên người nộp phí)...,(bộ phận liên quan của tổ chức thu phí)... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, .....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 04

**TÊN ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM    CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.... tháng.... năm 20...

**THÔNG BÁO**

**Về việc không được trả lại/bù trừ tiền phí**

Đơn vị đăng kiểm nhận được Giấy đề nghị trả lại/bù trừ khoản thu phí sử dụng đường bộ ngày ... tháng ... năm ... của ...(*Tên người nộp phí, mã số thuế*)... và hồ sơ kèm theo.

Căn cứ Nghị định số .../2022/NĐ-CP ngày / /2022 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

Hồ sơ đề nghị trả lại/bù trừ phí của ...(*Tên người nộp phí*)... không thuộc đối tượng, trường hợp được trả lại/bù trừ phí hoặc có số tiền phí không được trả lại/bù trừ là .....đồng.

Lý do: ...(*nêu rõ lý do không được trả lại phí và căn cứ cụ thể*).....

Nếu có vướng mắc, xin liên hệ với đơn vị đăng kiểm để được giải đáp.

Số điện thoại: .....

Địa chỉ: ...../.

**Nơi nhận:**

- ...(*Tên người nộp phí*)...;
- .....;
- Lưu VT, ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 05

**TÊN ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.... tháng.... năm 20...

**ĐƠN XIN TẠM DÙNG LƯU HÀNH**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải....

Tên:... *Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên liệp hợp tác xã (gọi chung là doanh nghiệp)...*

Số ĐKKD:..... cấp ngày:.....

Địa chỉ cơ quan:.....

Đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét, chấp thuận và thực hiện tạm giữ phù hiệu, biển hiệu làm cơ sở cho... (*Tên doanh nghiệp*)... để làm căn cứ xác định thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ đối với các phương tiện nêu dưới đây:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Số phù hiệu, biển hiệu (nếu có)	Thời gian dự kiến tạm dừng hoạt động
1				Từ ngày.... đến ngày...
2				

Sở Giao thông vận tải tỉnh..... xác nhận các xe nêu trên đúng là xe thuộc sở hữu của doanh nghiệp; doanh nghiệp xin nghỉ lưu hành từ ngày... tháng... năm....

Sở Giao thông vận tải đã lập biên bản tạm giữ phù hiệu, biển hiệu của xe kể từ ngày ... tháng ... năm ....

Đơn này được lập thành 03 bản, 02 bản giao cho chủ phương tiện (01 bản lưu, 01 bản để kèm hồ sơ gửi đơn vị đăng kiểm (trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày Sở Giao thông xác nhận vào đơn) làm thủ tục xác định xe dừng sử dụng), 01 bản lưu tại Sở Giao thông vận tải.

**LÃNH ĐẠO SỞ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**  
(Ký tên, đóng dấu)

**TÊN CQ CÁP TRÊN  
TÊN CQ RA THÔNG BÁO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày... tháng... năm 20....

## THÔNG BÁO

### Về việc không đủ điều kiện đăng ký tạm dừng lưu hành

...(Cơ quan thông báo)..... nhận được hồ sơ của... (doanh nghiệp).....

Căn cứ Nghị định số .../2022/NĐ-CP ngày / /2022 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

Qua nghiên cứu, hồ sơ của ... (doanh nghiệp)..... chưa đủ điều kiện để đăng ký tạm dừng lưu hành theo quy định.

Lý do: ... (nêu rõ lý do không được đăng ký tạm dừng lưu hành).....

Nếu có vướng mắc, xin liên hệ theo số điện thoại: ..... để được giải đáp./.

*Nơi nhận:*

- ... (tên doanh nghiệp);
- .....;
- Lưu VT, ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA THÔNG BÁO**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**TÊN SỞ GTVT**

Số: .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

...., ngày... tháng... năm 20...

**BIÊN BẢN****Tạm giữ phù hiệu, biển hiệu kinh doanh vận tải**

Vào hồi ..... giờ .... ngày .... tháng .... năm .....

Tại Sở Giao thông vận tải: ....., điện thoại .....

Địa chỉ: .....

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện cho Sở Giao thông vận tải

- Lãnh đạo: .....

- Nhân viên: .....

2. Đại diện cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải

Ông (bà): .....

Số CMND/Căn cước: ....., cấp ngày: ..... tại:.....

Cùng nhau lập biên bản xác nhận đã thực hiện tạm giữ phù hiệu, biển hiệu kinh doanh vận tải từ ngày....tháng.... năm 20... làm căn cứ xác định phương tiện dừng lưu hành để xét thuộc trường hợp không chịu phí sử dụng đường bộ đối với các phương tiện sau:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Đơn vị cấp	Số phù hiệu, biển hiệu

Biên bản được lập thành 03 bản, 02 bản giao cho chủ phương tiện (trong đó chủ phương tiện lưu 01 bản, 01 bản để kèm theo hồ sơ gửi đơn vị đăng kiểm thực hiện thu Tem nộp phí sử dụng đường bộ), 01 bản lưu tại Sở Giao thông vận tải.

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**CÁN BỘ SỞ GTVT**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**LÃNH ĐẠO SỞ GTVT**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**TÊN ĐƠN VỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.... tháng.... năm 20...

**THÔNG BÁO****Về việc chưa đủ điều kiện thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ**

Đơn vị đăng kiểm nhận được Đơn đề nghị cấp/cấp lại **Tem kiểm định** và Tem nộp phí sử dụng đường bộ... ngày ... tháng ... năm ... của ...**(doanh nghiệp)**... và hồ sơ kèm theo.

Căn cứ Nghị định số .../2022/NĐ-CP ngày / /2022 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

Qua nghiên cứu, hồ sơ của .....**(doanh nghiệp)**.....chưa đủ điều kiện thuộc đối tượng không chịu phí sử dụng đường bộ trong thời gian tạm dừng lưu hành.

Lý do: ...**(nêu rõ lý do không được đăng ký tạm dừng lưu hành)...**

Nếu có vướng mắc, xin liên hệ theo số điện thoại: ..... để được giải đáp.

**Nơi nhận:**

- ...**(Tên doanh nghiệp)**...;
- .....;
- Lưu VT, ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng .. năm 20..

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Trả lại phù hiệu, biển hiệu**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tên tôi là:.....

Số CMND/Căn cước:..... cấp tại:..... cấp ngày:.....

Đại diện cho:.....

Giấy giới thiệu số:.....

Ngày.../.../202.. , tôi đã có Đơn và đã nộp phù hiệu, biển hiệu để làm căn cứ xác định thời gian tạm dừng hoạt động của các phương tiện. Nay tôi làm đơn này đề nghị quý Sở xem xét trả lại phù hiệu, biển hiệu cho các phương tiện sau đây để được tiếp tục lưu hành, bao gồm:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Đơn vị cấp	Số phù hiệu, biển hiệu

Tôi xin cảm ơn!

**Người làm đơn**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày... tháng... năm 20...

**ĐƠN XIN XÁC NHẬN**

**Xe ô tô không tham gia giao thông,  
không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải....

Tên đơn vị đề nghị:.....

Số ĐKKD: ..... cấp ngày:.....

Địa chỉ:.....

**1. Đề nghị của đơn vị**

Đề nghị Sở Giao thông vận tải kiểm tra và xác nhận phương tiện thuộc sở hữu của doanh nghiệp chúng tôi là xe dùng để....., để làm căn cứ xác định thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ đối với các phương tiện nêu dưới đây:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Tuyến đường/khu vực hoạt động
1	Ví dụ: Xe tải	14M-1234	Mỏ Than Mông Dương
2			

2. Sở Giao thông vận tải đã kiểm tra và xác nhận các phương tiện nêu trên là các xe dùng để.....; theo đúng nội dung đã kê khai. Đơn vị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai và sử dụng phương tiện.

Đơn này được lập thành 03 bản, 02 bản giao cho chủ phương tiện (01 bản lưu, 01 bản để kèm hồ sơ gửi đơn vị đăng kiểm làm thủ tục xác định xe dùng sử dụng), 01 bản lưu tại Sở Giao thông vận tải.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**LÃNH ĐẠO SỞ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**TÊN ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ..... , ngày... tháng... năm 20...

**BIÊN BẢN**  
**Xử lý việc thu sai mức phí sử dụng đường bộ**

Vào hồi .... giờ..... ngày ..... tháng..... năm 20....

Tại đơn vị đăng kiểm xe cơ giới:..... địa chỉ:.....  
điện thoại:.....

Chúng tôi gồm:

**I. Đại diện cho đơn vị đăng kiểm xe cơ giới**

1. Ông: ....., Chức vụ: Lãnh đạo;
2. Ông: ....., Chức vụ: Nhân viên.

**II. Đại diện cho chủ phương tiện có biển số phương tiện: .....**

Ông: ..... là chủ phương tiện/lái xe. Số điện thoại:.....  
Số CMND/Căn cước/Giấy phép lái xe:.....; nơi cấp:....., ngày  
cấp...../...../20...

Cùng nhau lập Biên bản này để xác định số phí phải thu bổ sung (hoặc phải  
hoàn trả) bởi nguyên nhân:.....

.....  
Số tiền thu bổ sung (hoặc trả lại) là:.....

Băng chữ:.....

Biên bản được lập thành hai bản có giá trị như nhau, 01 bản giao cho chủ  
phương tiện, 01 bản lưu tại đơn vị đăng kiểm thu phí.

**CHỦ PHƯƠNG  
TIỆN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**NHÂN VIÊN ĐƠN VỊ  
ĐĂNG KIỂM**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
ĐĂNG KIỂM**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ  
và đóng dấu)

**TÊN ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày... tháng... năm 20...

**BIÊN BẢN****Thu Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ**

Vào hồi ..... giờ .... ngày .... tháng .... năm .....

Tại đơn vị đăng kiểm xe cơ giới: ....., điện thoại:.....

Địa chỉ: .....

Chúng tôi gồm:

**1. Đại diện cho đơn vị đăng kiểm xe cơ giới**

- Lãnh đạo: .....

- Nhân viên: .....

**2. Đại diện cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải:**

Ông ( bà): .....

Số CMND/Căn cước:....., cấp ngày:..... tại:.....

Cùng nhau lập biên bản xác nhận đã thu Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ để làm căn cứ xét phương tiện thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ cho các phương tiện sau đây.

Số TT	Biển số đăng ký	Tem nộp phí sử dụng đường bộ		
		Số sê-ri	Đơn vị cấp	Thời hạn

Biên bản được lập thành 02 bản, 01 bản giao cho chủ phương tiện, 01 bản lưu tại đơn vị đăng kiểm thu tem.

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**NHÂN VIÊN ĐƠN VỊ  
ĐĂNG KIỂM**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
ĐĂNG KIỂM**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**TÊN ĐƠN VỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.... tháng.... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ**

Kính gửi: Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới.....

Tên tôi là: ....., đại diện cho ...(*doanh nghiệp*).....

Số CMND/Căn cước:..... cấp ngày:..... cấp tại:.....

Địa chỉ (theo hộ khẩu thường trú):.....

Ngày.../.../20.., Tôi đã có Đơn và đã nộp Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ để làm căn cứ xác định thời gian tạm dừng hoạt động của các phương tiện. Nay đề nghị được cấp lại Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ cho các phương tiện sau đây để được tiếp tục lưu hành, bao gồm:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Ghi chú
1			
2			

Đơn đề nghị này được lập thành 02 bản, 01 bản giao cho chủ phương tiện, 01 bản lưu tại đơn vị đăng kiểm.

**DOANH NGHIỆP**  
(Ký tên và đóng dấu)

**NHÂN VIÊN ĐƠN VỊ**  
**ĐĂNG KIỂM**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
**ĐĂNG KIỂM**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**BÁO CÁO GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý VỀ DỰ THẢO  
NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH MỨC THU, CHẾ ĐỘ THU, NỘP, MIỄN, QUẢN  
LÝ VÀ SỬ DỤNG PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ**

Thực hiện Chương trình công tác năm 2022 của Chính phủ<sup>1</sup>, Bộ Tài chính đã có công văn số 5876/BTC-CST ngày 21/6/2022 gửi xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương và hiệp hội về dự thảo Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

Dự thảo Nghị định gồm 03 Chương, 10 Điều quy định về: Phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; các trường hợp miễn phí; người nộp phí và tổ chức thu phí; mức thu phí; phương thức tính, nộp phí; quản lý và sử dụng phí; trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp; tổ chức thực hiện; hiệu lực thi hành.

Đến nay, Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến góp ý vào dự thảo Nghị định của các cơ quan, tổ chức. Cơ bản các ý kiến nhất trí với dự thảo Nghị định, ngoài ra có thêm một số ý kiến hoàn thiện dự thảo Nghị định. Bộ Tài chính xin báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý vào dự thảo Nghị định như sau:

**I. Về các trường hợp không chịu phí (Điều 2)****1. Dự thảo Nghị định**

Tại điểm d khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định quy định: “d) Xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kinh doanh vận tải (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên”.

**2. Ý kiến tham gia**

a) Tỉnh Gia Lai đề nghị bổ sung đối tượng xe kinh doanh thuộc hộ gia đình vào trường hợp xe không chịu phí đường bộ khi tạm dừng liên tục 30 ngày trở lên, để đảm bảo công bằng với giữa đối tượng kinh doanh vận tải.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Để xác định xe tạm dừng lưu hành và thuộc diện không chịu phí cần có cơ quan nhà nước thực hiện xác nhận; trình tự, thủ tục xác nhận thời gian tạm dừng lưu hành làm cơ sở xác định xe không chịu phí, bù trừ, hoàn phí.

<sup>1</sup> Theo Nghị quyết số 40/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022 giao Chính phủ quy định cụ thể việc thu, nộp và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện trong năm 2022.

Theo quy định tại Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô thì:

- Xe ô tô kinh doanh vận tải (của doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh) phải được Sở GTVT cấp biển hiệu, phù hiệu xe kinh doanh vận tải.

- Xe ô tô không có biển hiệu, phù hiệu vẫn được phép lưu hành trên đường bộ nhưng không được hoạt động kinh doanh vận tải.

Xe kinh doanh vận tải của doanh nghiệp, HTX về cơ bản chỉ sử dụng cho hoạt động kinh doanh vận tải (xe tải, xe taxi) nên khi không có biển hiệu, phù hiệu (không được phép hoạt động vận tải) thì cơ bản không tham gia giao thông. Riêng xe của hộ kinh doanh chủ yếu là xe ô tô dưới 10 chỗ ngồi; xe này không có phù hiệu thì vẫn sử dụng lưu thông phục vụ hoạt động của hộ kinh doanh (không chở khách). Chính vì vậy, tại Thông tư số 293/2016/TT-BTC và một số Thông tư giảm phí sử dụng đường bộ do ảnh hưởng của dịch Covid-19 chỉ quy định ưu đãi phí đối với xe kinh doanh vận tải của doanh nghiệp, HTX; không áp dụng đối với xe kinh doanh của hộ gia đình. Vì vậy, để tránh phát sinh lợi dụng chính sách, Bộ Tài chính không tiếp thu ý kiến này.

b) Tỉnh Kiên Giang đề nghị bổ sung thêm trường hợp “xe phải dừng lưu hành theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền”; tỉnh Gia Lai đề nghị bổ sung trường hợp “xe ô tô tạm ngừng hoạt động để phòng chống dịch bệnh theo yêu cầu của cơ quan chức năng”.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

(1) Đối với xe kinh doanh vận tải: Tại điểm d khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định quy định: *Xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh vận tải tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên không chịu phí sử dụng đường bộ nếu có đủ hồ sơ đáp ứng các quy định tại Điều 8 dự thảo Nghị định.*

Như vậy, trường hợp xe ô tô kinh doanh vận tải tạm ngừng hoạt động để phòng chống dịch bệnh theo yêu cầu của cơ quan chức năng từ 30 ngày trở lên thuộc diện không chịu phí.

(2) Đối với xe cá nhân: Để xác định xe tạm dừng lưu hành thuộc diện không chịu phí cần có cơ quan quản lý, theo dõi, xác nhận việc tạm dừng lưu hành và thời gian tạm dừng lưu hành.

**Xe kinh doanh vận tải:** muôn được hoạt động kinh doanh vận tải thì xe ô tô của doanh nghiệp, HTX phải được Sở Giao thông vận tải (GTVT) cấp biển hiệu, phù hiệu. Do đó, Sở GTVT có thể xác nhận việc tạm dừng lưu hành làm cơ sở xác định thời gian không chịu phí.

**Xe cá nhân:** Sau khi có đăng ký và đăng kiểm thì chủ phương tiện được phép sử dụng lưu thông. Sở GTVT không theo dõi việc sử dụng xe cá nhân.

Số lượng xe hiện nay rất lớn (khoảng 01 triệu xe), nếu quy định không chịu phí sử dụng đường bộ thì khó khăn cho đơn vị đăng kiểm trong việc xác nhận và bù trừ, hoàn trả phí.

Ngoài ra, trong năm 2020 – 2021, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, một số địa phương, doanh nghiệp đề nghị miễn phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô kinh doanh vận tải; không có kiến nghị miễn phí đối với xe cá nhân.

Theo đó, Bộ Tài chính không bổ sung đối tượng không chịu phí đối với trường hợp này.

c) Tỉnh Gia Lai đề nghị bổ sung đối tượng không chịu phí sử dụng đường bộ là xe ô tô của cá nhân tại điểm đ khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

- Tại điểm đ khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định quy định: *đ) Xe ô tô của doanh nghiệp không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ (chi được cấp Giấy chứng nhận kiểm định và không cấp Tem kiểm định theo quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Bộ GTVT), chỉ sử dụng trong phạm vi Trung tâm sát hạch lái xe, nhà ga, cảng, khu khai thác khoáng sản, nông, lâm, ngư nghiệp, công trường xây dựng (giao thông, thủy lợi, năng lượng).*

- Tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 70/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 của Bộ GTVT quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ quy định: *Đối với xe ô tô lắp thiết bị chấm điểm sử dụng trong Trung tâm sát hạch lái xe, xe ô tô tải sử dụng trong các nhà ga, cảng, khu khai thác khoáng sản, lâm nghiệp (không có nhu cầu tham gia giao thông đường bộ); xe cơ giới không được tham gia giao thông đường bộ thì chỉ cấp Giấy chứng nhận kiểm định và không cấp Tem kiểm định.*

Như vậy, Thông tư số 70/2015/TT-BGTVT không quy định trường hợp xe cá nhân sử dụng trong nhà ga, mò,... không được cấp Tem kiểm định. Do vậy, Bộ Tài chính không có cơ sở để tiếp thu ý kiến này.

## **II. Các trường hợp miễn phí (Điều 3)**

### **1. Về xe chuyên dùng phục vụ tang lễ**

a) Tại khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định: “*3. Xe chuyên dùng phục vụ tang lễ gồm:*

*a) Xe có kết cấu chuyên dùng phục vụ tang lễ (bao gồm xe tang, xe tải lạnh dùng để lưu xác và chở xác).*

*b) Các xe liên quan phục vụ tang lễ (bao gồm xe chở khách đi cùng xe tang, xe tải chở hoa, xe rước ảnh) là xe chỉ sử dụng cho hoạt động tang lễ mà trên Giấy đăng ký xe mang tên đơn vị phục vụ lễ tang. Đơn vị phục vụ lễ tang phải có văn bản cam kết các loại xe này chỉ sử dụng cho hoạt động lễ tang (trong đó nêu cụ thể số lượng xe, biển số xe theo từng loại) gửi đơn vị đăng kiểm (khi đăng kiểm xe)”.*

b) Ý kiến tham gia

Bộ GTVT đề nghị xem xét bỏ quy định tại điểm b khoản 3 vì hiện nay nhiều doanh nghiệp hoạt động kinh doanh vận tải, du lịch nhưng lại có thêm chức năng kinh doanh phục vụ tang lễ nên các đơn vị đăng kiểm không thể xác định được danh sách những xe liên quan phục vụ tang lễ có đúng là chỉ phục vụ cho hoạt động tang lễ hay còn phục vụ mục đích khác.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Tại dự thảo Nghị định quy định: Đơn vị phục vụ lễ tang phải có văn bản cam kết các loại xe này chỉ sử dụng cho hoạt động lễ tang (trong đó nêu cụ thể số lượng xe, biển số xe theo từng loại) gửi đơn vị đăng kiểm.

Qua trao đổi với Cục Đăng kiểm Việt Nam (ĐKVN) cho biết: Thực tế, có một số doanh nghiệp kinh doanh đa ngành, nghề, trong đó có kinh doanh dịch vụ phục vụ lễ tang. Các doanh nghiệp này có nhiều xe nhưng trong đó chỉ có một số ít sử dụng cho lễ tang và có công văn cam kết gửi đơn vị đăng kiểm theo đúng quy định.

Việc miễn phí sử dụng đường bộ phục vụ tang lễ mang tính chất an sinh xã hội. Vì vậy, Bộ Tài chính giữ như dự thảo Nghị định.

## **2. Xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng**

a) Tại khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định: “*4. Xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng bao gồm các phương tiện cơ giới đường bộ mang biển số: Nền màu đỏ, chữ và số màu trắng dập chìm có gắn các thiết bị chuyên dụng cho quốc phòng (xe xi téc, xe cẩu cầu, xe chở lực lượng vũ trang hành quân được hiểu là xe ô tô chở người có từ 12 chỗ ngồi trở lên, xe ô tô tải có mui che và được lắp đặt ghế ngồi trong thùng xe và một số loại xe chuyên dùng khác mang biển số màu đỏ)*”.

b) Ý kiến tham gia

(1) Thanh tra Chính phủ đề nghị rà soát nội dung “và một số loại xe chuyên dùng khác mang biển số màu đỏ” để bảo đảm tính đầy đủ, cụ thể và phù hợp.

(2) Bộ Quốc Phòng đề nghị bổ sung: Xe ô tô kiểm soát, xe kiểm tra quân sự; xe ô tô chuyên dùng chở phạm nhân, xe cứu hộ, cứu nạn, xe thông tin vệ tinh và các xe ô tô đặc chủng khác phục vụ quốc phòng.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Đề xuất của Bộ Quốc phòng chi tiết hơn về xe chuyên dùng, vì vậy, Bộ Tài chính chỉnh lý khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị định như sau: “*4. Xe ô tô chuyên dùng phục vụ quốc phòng bao gồm các xe mang biển số: Nền màu đỏ, chữ và số màu trắng dập chìm có gắn các thiết bị chuyên dụng cho quốc phòng (bao gồm: xe xi téc, xe cẩu cầu, xe chở lực lượng vũ trang hành quân được hiểu là xe ô tô chở người có từ 12 chỗ ngồi trở lên, xe vận tải có mui che và được lắp đặt ghế ngồi trong thùng xe, xe kiểm soát, xe kiểm tra quân sự, xe chuyên dùng chở phạm nhân, xe cứu hộ, cứu nạn, xe thông tin vệ tinh và các xe ô tô đặc chủng khác phục vụ quốc phòng và một số loại xe chuyên dùng khác mang biển số màu đỏ)*”.

### **3. Xe chuyên dùng của các đơn vị thuộc hệ thống tổ chức của công an nhân dân**

a) Tại điểm d, điểm đ khoản 5 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định: “*5. Xe chuyên dùng của các đơn vị thuộc hệ thống tổ chức của công an nhân dân bao gồm: ...*

*d) Xe ô tô vận tải có mui che và được lắp ghế ngồi trong thùng xe chở lực lượng Công an làm nhiệm vụ.*

*d) Xe ô tô chuyên dùng: Xe chở phạm nhân, xe cứu hộ, cứu nạn”.*

b) Ý kiến tham gia

Bộ công an đề nghị sửa điểm d, điểm đ khoản 5 Điều 3 dự thảo Nghị định như sau:

*“d) Xe ô tô vận tải có mui che và được lắp ghế ngồi trong thùng xe chở của lực lượng Công an làm nhiệm vụ. Xe chở các loại hàng hóa và vật tư hậu cần phục vụ công tác chiến đấu của lực lượng Công an.*

*d) Xe ô tô chuyên dùng: Xe chở phạm nhân, xe cứu hộ, cứu nạn và các xe ô tô chuyên dùng khác của Bộ Công an”.*

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Tại khoản 5 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định miễn phí sử dụng đối với xe chuyên dùng của lực lượng công an nhân dân.

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ GTVT quy định về tốc độ và khoảng an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ thì xe chở các loại hàng hóa và vật tư hậu cần phục vụ công tác tác chiến của lực lượng Công an là xe vận tải thông thường, không phải xe chuyên dùng.

Theo đó, Bộ Tài chính không có cơ sở để bổ sung xe chở các loại hàng hóa và vật tư hậu cần phục vụ công tác chiến đấu vào đối tượng miễn phí sử dụng đối với xe chuyên dùng.

- Về bổ sung cụm từ “xe ô tô chuyên dùng khác”: Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến tham gia và chỉnh lý lại điểm d, điểm đ khoản 5 Điều 3 dự thảo Nghị định như sau: “*5. Xe ô tô chuyên dùng của các đơn vị thuộc hệ thống tổ chức của công an nhân dân bao gồm: ...*

*d) Xe vận tải có lắp ghế ngồi trong thùng xe của lực lượng công an làm nhiệm vụ.*

*d) Xe chở phạm nhân, xe cứu hộ, cứu nạn và các xe ô tô chuyên dùng khác của Bộ Công an”.*

### **4. Xe thanh tra giao thông**

Tỉnh Gia Lai đề nghị bổ sung thêm đối tượng miễn phí sử dụng đường bộ: *Xe ô tô tuần tra, kiểm soát giao thông của Thanh tra Giao thông thực thuộc Sở*

*GTVT có đặc điểm: Hai bên than xe ô tô có in dòng chữ “THANH TRA GIAO THÔNG.*

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Dự thảo Nghị định quy định miễn phí sử dụng đường bộ cho xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh; không quy định miễn phí cho xe ô tô của cơ quan giao thông, y tế, ngoại giao,... đây đều là xe ô tô của cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, nếu bổ sung quy định miễn phí cho xe ô tô của Thanh tra Giao thông thì không công bằng với các xe ô tô của các cơ quan khác. Vì vậy, Bộ Tài chính không bổ sung thêm đối tượng này.

### **III. Tổ chức thu phí (khoản 2 Điều 4)**

**1. Tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định quy định:** “*2. Tổ chức thu phí bao gồm:*

*a) Tổng cục Đường bộ Việt Nam thu phí đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an.*

*b) Các đơn vị đăng kiểm thu phí đối với xe ô tô của các tổ chức, cá nhân đăng ký tại Việt Nam (trừ xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an quy định tại điểm a Khoản này) nộp về Cục ĐKVN để Cục ĐKVN khai, nộp phí theo quy định tại Điều 7 Nghị định này”.*

### **2. Ý kiến tham gia**

Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao đề nghị sửa lại tên gọi một số tổ chức để thuận tiện trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy, cụ thể như sau:

- “Tổng cục Đường bộ Việt Nam” thành “Tổ chức được giao chức năng, nhiệm vụ tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ GTVT quản lý nhà nước về đường bộ” trực thuộc Bộ GTVT, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ GTVT quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về quản lý đường bộ trong phạm vi cả nước.

- “Cục ĐKVN” thành “Tổ chức được giao chức năng, nhiệm vụ đăng kiểm” trực thuộc Bộ GTVT, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ GTVT quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về đăng kiểm theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng Bộ GTVT.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Ngày 24/8/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 56/2022/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ GTVT, trong đó cơ cấu tổ chức có: Cục Đường bộ Việt Nam và Cục Đường cao tốc Việt Nam (thay cho Tổng cục Đường bộ Việt Nam). Bộ GTVT chưa giao đơn vị nào thu phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, an ninh.

Theo đó, Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến tham gia và sửa lại cụm từ “Tổng cục Đường bộ Việt Nam” thành “cơ quan nhà nước quản lý đường bộ được Bộ trưởng Bộ GTVT giao thu phí” tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định.

#### IV. Mức thu phí (Điều 5)

##### 1. Tại Biểu mức thu kèm dự thảo Nghị định quy định như sau:

Số TT	Loại phương tiện chịu phí	Mức phí (1.000 đồng/tháng)
1	Xe chở người dưới 10 chỗ đăng ký tên cá nhân, hộ kinh doanh.	130
2	Xe chở người dưới 10 chỗ (trừ xe quy định tại điểm 1 nêu trên); xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ dưới 4.000 kg; các loại xe buýt vận tải hành khách công cộng (bao gồm cả xe đưa đón học sinh, sinh viên, công nhân được hưởng chính sách trợ giá như xe buýt); xe chở hàng và xe chở người 4 bánh có gắn động cơ.	180
..	...	...
8	Xe đầu kéo có khối lượng bản thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo từ 40.000 kg trở lên	1.430

##### 2. Ý kiến tham gia

(1) Hiệp hội Vận tải ô tô Việt Nam đề nghị giảm 50% mức phí đối với xe tải có trọng tải lớn (trừ xe ben), các xe đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc; các xe dùng trong đào tạo, sát hạch lái xe.

Bộ GTVT đề nghị giảm 30% mức thu phí sử dụng đường bộ đối với xe kinh doanh vận tải hành khách; giảm 10% mức thu phí sử dụng đường bộ đối với xe kinh doanh vận tải hàng hóa đến hết năm 2022 do tác động tăng giá nhiên liệu đến giá dịch vụ vận tải (công văn số 6779/BGTVT-TC ngày 06/7/2022).

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Thực hiện chủ trương của Chính phủ về giảm thuế, phí, lệ phí hỗ trợ người dân và doanh nghiệp trong điều kiện hiện nay, Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến của Bộ GTVT và bổ sung khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị định quy định: giảm 30% mức thu phí sử dụng đường bộ đối với xe kinh doanh vận tải hành khách; giảm 10% mức thu phí sử dụng đường bộ đối với xe kinh doanh vận tải hàng hóa. Thời gian giảm 06 tháng kể từ ngày Nghị định có hiệu lực thi hành.

(2) Ý kiến của Bạn đọc Ngô Hồng Hệ (gửi qua Công thông tin điện tử Chính phủ): Tại số thứ tự 1 điểm 1 Phụ lục I quy định: Mức thu phí đối với xe chở người dưới 10 chỗ đăng ký tên cá nhân, hộ kinh doanh là 130.000 đồng/tháng; tại số thứ tự 2 điểm 1 Phụ lục I quy định mức thu đối với xe chở người dưới 10 chỗ của HTX, các hãng taxi là 180.000 đồng/tháng. Vì vậy, đề nghị sửa mức thu phí tại số thứ tự 1 như sau: Xe chở người dưới 10 chỗ đăng ký tên cá nhân, hộ kinh doanh không kinh doanh vận tải nộp 130.000 đồng/tháng.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Theo kiến nghị nêu trên, nếu bổ sung cụm từ “không kinh doanh vận tải” thì hộ kinh doanh vận tải phải nộp phí sử dụng đường bộ là 180.000 đồng/tháng.

Trước năm 2017, mức thu phí 130.000 đồng/tháng chỉ áp dụng đối với xe đăng ký tên cá nhân, không áp dụng đối với xe của hộ kinh doanh. Tuy nhiên, theo quy định của Bộ Công an thì trên Giấy đăng ký xe của hộ kinh doanh mang tên cá nhân. Khi xe đến kiểm định, Trung tâm đăng kiểm không phân biệt được xe ô tô của cá nhân (áp dụng mức phí 130.000 đồng/tháng) hay xe ô tô của hộ kinh doanh (áp dụng mức phí 180.000 đồng/tháng). Vì vậy, tại Thông tư số 293/2016/TT-BTC bổ sung quy định xe hộ kinh doanh vào cùng nhóm xe đăng ký tên cá nhân. Dự thảo Nghị định kế thừa nội dung này, Bộ Tài chính giữ như dự thảo Nghị định.

## V. Phương thức tính, nộp phí (Điều 6)

### 1. Đối với xe bị tịch thu, thu hồi

a) Tại điểm a.6 khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị định quy định: “*a.6) Đối với các xe bị tịch thu, bị thu hồi bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; xe của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; xe của lực lượng quốc phòng, công an thanh lý; xe thé cháp bị ngân hàng thu hồi mà trong thời gian bị tịch thu, thu hồi, chờ thanh lý không đăng kiểm để lưu hành sau đó được bán phát mại, thanh lý thì chủ mới của phương tiện chỉ phải nộp phí sử dụng đường bộ từ thời điểm mang xe đi đăng kiểm để lưu hành...*”.

#### b) Ý kiến tham gia

(1) Bộ GTVT đề nghị sửa lại như sau: *Đối với các xe bị tịch thu, bị thu hồi bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; xe của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (**mang biển kiểm soát màu xanh**); xe của lực lượng quốc phòng... Vì hiện nay, nhiều đơn vị sự nghiệp công lập có xe mang biển số màu trắng khi bán thanh lý người mua xe chịu phí kể từ ngày đi đăng kiểm để lưu hành; trong khi đó, các xe mang biển số màu trắng của người dân và doanh nghiệp khi bán thanh lý không được áp dụng nên không tạo được sự công bằng.*

(2) Ngân hàng Nhà nước đề nghị thay cụm từ “ngân hàng” thành “tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài” vì ngân hàng chỉ là một tổ chức tín dụng.

Tiếp thu ý kiến tham gia, Bộ Tài chính chỉnh lý nội dung tại điểm a.6 khoản 1 Điều 6 như sau: “*a.6) Đối với các xe bị tịch thu, bị thu hồi bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; xe của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (**mang biển kiểm soát màu xanh**); xe của lực lượng quốc phòng, công an thanh lý; xe thé cháp bị **tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài** thu hồi mà trong thời gian bị tịch thu, thu hồi, chờ thanh lý không đăng kiểm để lưu hành sau đó được bán phát mại, thanh lý thì chủ mới của phương tiện chỉ phải nộp phí sử dụng đường bộ từ thời điểm mang xe đi đăng kiểm để lưu hành...*”.

## 2. Về phương thức nộp phí

a) Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đề nghị nghiên cứu, bổ sung hình thức thu phí không dùng tiền mặt.

Thực tế, kể từ khi thu phí sử dụng đường bộ (theo đầu phương tiện) từ năm 2013 đến nay, các Trung tâm đăng kiểm đã thực hiện thu phí theo các hình thức: Tiền mặt và không dùng tiền mặt (thông báo số tài khoản của tổ chức thu để người nộp phí chuyển khoản, đặt các máy POS để thanh toán quẹt thẻ,...).

Tuy nhiên, theo Cục ĐKVN cho biết hiện nay tỷ lệ nộp phí không dùng tiền mặt chỉ chiếm tỷ lệ từ 01 – 02% tổng thu phí sử dụng đường bộ.

b) VCCI đề nghị một số giải pháp có thể tính đến: Tổng cục đường bộ mở cổng thanh toán trực tuyến, cho phép người dân và doanh nghiệp tra cứu và nộp phí mà không cần phải đến các đơn vị đăng kiểm; sau khi nộp phí Công thanh toán gửi mẫu Tem cho chủ phương tiện qua email. Chủ phương tiện in và dán lên phương tiện, mỗi Tem có mã QR để xác thực; lực lượng Cảnh sát giao thông có thể quét mã QR code để đối chiếu với cơ sở dữ liệu xem Tem đó là thật hay giả.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

(i) Việc thu, nộp các khoản thu phí, lệ phí phải theo quy trình thu, nộp cụ thể; quy định xác định rõ trách nhiệm của người nộp (tính toán số tiền phí phải nộp, kê khai, thời điểm nộp), trách nhiệm của cơ quan thu (theo dõi Tờ khai, kiểm tra số liệu kê khai, số phí phải thu, xuất biên lai thu phí, đôn đốc nợ đọng, tính toán bù trừ, truy thu tiền phí...).

Theo quy định pháp luật về kiểm định phương tiện thì: Xe ô tô phải kiểm định theo chu kỳ (6, 12, 18, 24 và 30 tháng); đến chu kỳ kiểm định, chủ phương tiện phải mang xe đến các Trung tâm đăng kiểm gần nhất để kiểm định, chi trả tiền dịch vụ kiểm định, lệ phí cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Tại Thông tư quy định thu phí sử dụng đường bộ đã quy định thu phí sử dụng đường bộ gắn với quy định kiểm định xe ô tô. Theo đó, khi kiểm định chủ phương tiện chỉ phải nộp thêm tiền phí sử dụng đường bộ (ngoài tiền dịch vụ kiểm định và lệ phí cấp giấy chứng nhận); Trung tâm đăng kiểm sẽ tính toán cụ thể số tiền phí phải nộp, số tiền phí được bù trừ, hoàn trả, thu tiền và xuất biên lai cho chủ phương tiện (các hoạt động này đều thực hiện trên phần mềm hệ thống của Cục ĐKVN triển khai đến các Trung tâm đăng kiểm trên cả nước).

Để thuận tiện cho hoạt động nộp phí, các Trung tâm đăng kiểm đã thực hiện thu phí theo các hình thức: Tiền mặt và không dùng tiền mặt (thông báo số tài khoản của tổ chức thu để người nộp phí chuyển khoản, đặt các máy POS để thanh toán quẹt thẻ,...).

(ii) Tổng cục Đường bộ Việt Nam không quản lý hoạt động đăng kiểm phương tiện; hiện chưa có quy định công an xử phạt đối với trường hợp chủ

phương tiện chưa nộp phí đường bộ. Ngoài việc cấp Tem nộp phí, tổ chức thu phí còn phải tính toán số phí phải nộp, xuất biên lai thu phí, tính toán, bù trừ phí,...

Để thực hiện thu phí như ý kiến của VCCI thì cần phải xây dựng Hệ thống phần mềm quản lý thu phí và kết nối với hệ thống máy quét của cơ quan công an. Hiện nay, Bộ GTVT chưa có hệ thống phần mềm để chủ phương tiện tra cứu, nộp phí sử dụng đường bộ trên Cổng thanh toán. Vì vậy, Bộ Tài chính bổ sung một khoản tại Điều 9 dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của Bộ GTVT trong tổ chức thực hiện thu phí như sau: *Bộ GTVT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu, chỉ đạo tổ chức có liên quan truy cập, khai thác dữ liệu điện tử nộp phí sử dụng đường bộ trên Cổng dịch vụ công Quốc gia và cấp Tem sử dụng đường bộ có mã QR cho chủ phương tiện.*

## **VI. Về quản lý và sử dụng phí (Điều 7)**

**1. Tại khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị định quy định:** “*1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách trung ương. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo quy định.*

*Trường hợp Tổng cục Đường bộ Việt Nam thuộc diện được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí được trích để lại một phần trăm (1,2%) số tiền phí thực thu để trang trải chi phí quản lý hoạt động thu phí sử dụng đường bộ theo quy định... ”.*

## **2. Ý kiến tham gia**

Bộ GTVT đề nghị quy định khoản 1 Điều 7 như sau: “*Tổng cục Đường bộ Việt Nam được trích để lại 1,2% số tiền phí thực thu để trang trải chi phí quản lý hoạt động thu phí sử dụng đường bộ theo quy định... ”. Vì Tổng cục Đường bộ Việt Nam là đơn vị thuộc diện khoán chi phí hoạt động.*

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Quy định tại dự thảo Nghị định theo đúng quy định của Luật Phí và lệ phí, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP và tương tự các Thông tư thu phí hiện hành. Vì vậy, Bộ Tài chính giữ như dự thảo Nghị định.

## **VII. Trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp (Điều 8)**

### **1. Đối với xe kinh doanh vận tải tạm dừng lưu hành từ 30 ngày**

a) Tại khoản 2 Điều 8 dự thảo Nghị định quy định về trình tự, thủ tục xác định thời gian không chịu phí; bù trừ phí đã nộp đối với xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp kinh doanh vận tải tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên như sau:

- Khi tạm dừng lưu hành:

+ Doanh nghiệp lập, gửi hồ sơ cho Sở GTVT nơi quản lý, cấp phép hoạt động kinh doanh vận tải hoặc nơi sử dụng phương tiện, bao gồm: Đơn xin tạm dừng lưu hành, Giấy phép kinh doanh vận tải bằng ô tô (bản chụp).

+ Sở GTVT kiểm tra hồ sơ, xác nhận và Đơn xin tạm dừng lưu hành; làm thủ tục thu hồi biển hiệu, phù hiệu xe.

+ Sau khi được Sở GTVT xác nhận, doanh nghiệp nộp hồ sơ cho đơn vị đăng kiểm; đơn vị đăng kiểm kiểm tra hồ sơ hợp lệ thì làm thủ tục thu Tem nộp phí sử dụng đường bộ.

- Khi lưu hành trở lại: (i) Doanh nghiệp làm đơn xin cấp lại Tem nộp phí gửi đơn vị đăng kiểm; (ii) Đơn vị đăng kiểm kiểm tra hồ sơ; tính toán bù trừ, truy thu phí; cấp lại Tem nộp phí; (iii) Doanh nghiệp làm hồ sơ đề nghị Sở GTVT cấp lại biển hiệu, phù hiệu; Sở GTVT kiểm tra hồ sơ cấp lại biển hiệu, phù hiệu xe.

### b) Ý kiến tham gia

(1) Bộ Tư pháp có ý kiến: Phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định là quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ. Vì vậy, đề nghị rà soát và bỏ các nội dung không thuộc phạm vi điều chỉnh như việc tạm giữ phù hiệu, biển hiệu kinh doanh vận tải, đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu để đảm bảo tính thống nhất giữa nội dung và phạm vi điều chỉnh.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Việc quy định tạm giữ phù hiệu, biển hiệu kinh doanh vận tải là biện pháp để xác định xe tạm dừng lưu hành thuộc diện không phải chịu phí đường bộ. Vì vậy, cần có quy định về tạm giữ biển hiệu, phù hiệu tại dự thảo Nghị định.

Để đảm bảo thống nhất giữa nội dung và phạm vi điều chỉnh, Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến tham gia và bổ sung phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định như sau: “*Nghị định này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ (phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô) thuộc ngân sách nhà nước và thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ*”.

(2) Bộ GTVT có ý kiến: Hiện nay, có nhiều doanh nghiệp kinh doanh vận tải đã có đơn đăng ký xin lưu hành, Sở GTVT đã thu hồi phù hiệu kinh doanh vận tải, cơ quan đăng kiểm đã thu hồi Tem nộp phí sử dụng đường bộ nhưng trên thực tế có những phương tiện đã xin nghỉ lưu hành nhưng do còn Tem kiểm định nên vẫn có thể tham gia giao thông trên hệ thống giao thông đường bộ mà không phải nộp phí sử dụng đường bộ. Theo đó, đề nghị bổ sung quy định nộp lại Tem kiểm định khi tạm dừng lưu hành và cấp lại Tem kiểm định khi doanh nghiệp có nhu cầu lưu hành lại.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Theo quy định pháp luật về đăng kiểm thì xe ô tô phải có giấy chứng nhận kiểm định (Tem kiểm định) còn hiệu lực thì mới được phép tham gia giao thông.

Như vậy, khi thu Tem kiểm định thì xe ô tô sẽ không được phép tham gia giao thông.

Để hạn chế phát sinh trường hợp phương tiện xin nghỉ lưu hành nhưng vẫn tham gia trên hệ thống giao thông đường bộ, Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến của Bộ GTVT và sửa lại khoản 2 và khoản 3 Điều 8 dự thảo Nghị định theo hướng: Bộ sung quy định thu Tem kiểm định đối với xe ô tô thuộc diện không chịu phí.

## **2. Đối với xe ô tô của doanh nghiệp không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ**

a) Tại khoản 3 Điều 8 dự thảo Nghị định quy định về trình tự, thủ tục xác định xe ô tô của doanh nghiệp không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ thuộc diện không chịu phí

- Doanh nghiệp lập hồ sơ gửi Sở GTVT gồm: Đơn xin xác nhận xe ô tô không tham gia giao thông; bản chụp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; bản chụp giấy chứng nhận đăng ký xe

- Sở GTVT tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện xem xét, Sở GTVT tiến hành kiểm tra thực tế doanh nghiệp và xác nhận vào Đơn đề nghị nếu các phương tiện đủ điều kiện theo nội dung kê khai của doanh nghiệp, thời gian thực hiện chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ. Trường hợp kết quả kiểm tra không đúng với đơn đề nghị, doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện lại hồ sơ, để Sở GTVT xác nhận.

- Doanh nghiệp nộp Đơn có xác nhận của Sở GTVT cho đơn vị đăng kiểm, đơn vị đăng kiểm không tính thu phí đối với xe này kể từ ngày Sở GTVT xác nhận đơn.

### b) Ý kiến tham gia

Tỉnh Gia Lai đề nghị bỏ quy định Sở GTVT tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ xin xác nhận cho xe không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ do các doanh nghiệp lập và gửi về Sở, vì trường hợp xe không tham gia giao thông thì không thực hiện cấp Tem kiểm định.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Theo quy định tại Thông tư số 15/2021/TT-BGTVT ngày 30/7/2021 của Bộ GTVT hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về GTVT thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì: Sở GTVT có chức năng quản lý nhà nước về đường bộ, an toàn giao thông, quản lý, khai thác, duy tu, bảo trì hạ tầng giao thông.

Quy định Sở GTVT tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ xin xác nhận cho xe không tham gia giao thông để Sở GTVT có cơ sở quản lý, giám sát đối với phương tiện xin xác nhận không tham gia giao thông trên địa bàn tỉnh nhằm hạn chế trường hợp chủ phương tiện xin xác nhận thuộc diện không tham gia giao thông (thuộc diện không chịu phí) nhưng thực tế vẫn tham gia hệ thống giao thông.

Thủ tục này tương tự xác nhận xe ô tô kinh doanh vận tải tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên, vì vậy, Bộ Tài chính giữ như dự thảo Nghị định.

### **3. Về thời gian xử lý các thủ tục bù trừ, hoàn trả**

Bộ Tư pháp đề nghị bổ sung quy định rõ hơn về thời gian xử lý các thủ tục bù trừ, hoàn trả; quy định thống nhất về giấy tờ kèm hồ sơ bù trừ, hoàn trả là “bản sao” hay bản “phô tô”.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Tại Điều 8 dự thảo Nghị định đã có quy định thời gian xử lý hồ sơ của Sở GTVT và đơn vị đăng kiểm trong xử lý hồ sơ bù trừ hoàn phí nhưng chưa đầy đủ. Vì vậy, Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến tham gia và bổ sung thêm thời gian giải quyết hồ sơ từ 01 hoặc 02 ngày làm việc đối với từng trường hợp.

Đồng thời, sửa lại các cụm từ “bản phô tô”, “bản sao” thành “bản chụp” tại dự thảo Nghị định.

## **VIII. Tổ chức thực hiện (Điều 9)**

### **1. Về trách nhiệm của Cục ĐKVN**

a) Tại khoản 1 Điều 9 dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của Cục ĐKVN:

“b) Tổ chức in ấn, cấp phát và quản lý sử dụng Tem nộp phí sử dụng đường bộ đối với ô tô theo mẫu được Bộ GTVT phê duyệt.”

c) Hướng dẫn việc quản lý thu, nộp, trả lại phí; đón đốc, kiểm tra hoạt động thu phí sử dụng đường bộ của các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới trên cả nước (số thu, số nộp hàng năm) để đảm bảo đơn vị đăng kiểm nộp đầy đủ, đúng hạn khoản thu phí sử dụng đường bộ vào ngân sách nhà nước...”.

b) Ý kiến tham gia

(1) Bộ GTVT đề nghị xem lại nội dung điểm b khoản 1 Điều 9 “... Bộ GTVT phê duyệt” là phê duyệt dưới hình thức nào? Đồng thời, đề nghị làm rõ Bộ GTVT có phải ban hành văn bản QPPL để hướng dẫn nội dung này không?

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Tem nộp phí được sử dụng trên toàn quốc, tương tự như Tem kiểm định. Cục ĐKVN in, phát hành và quản lý, sử dụng Tem nộp phí sử dụng đường bộ. Mẫu Tem được Bộ GTVT phê duyệt trước khi in, phát hành.

Quy định tại dự thảo Nghị định là kế thừa Thông tư thu phí hiện hành, quá trình thực hiện không phát sinh vướng mắc. Vì vậy, Bộ Tài chính cho giữ như quy định tại dự thảo Nghị định.

(2) Bộ GTVT đề nghị xem lại nội dung “c) Hướng dẫn việc quản lý thu, nộp, trả lại phí” vì Cục ĐKVN không có thẩm quyền ban hành VBQPPL hướng dẫn nội dung này. Mặt khác, nội dung về quản lý thu, nộp, trả lại phí đã được quy định tại Điều 6, 7, 8 dự thảo Nghị định.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Hiện nay, Cục DKVN đang quản lý hoạt động thu phí của các Trung tâm đăng kiểm trên cả nước thông qua Hệ thống phần mềm do Cục quản lý. Vì vậy, Bộ Tài chính chinh lý lại điểm c khoản 1 Điều 9 dự thảo Nghị định như sau: “c) Quản lý thu, nộp, trả lại phí; đôn đốc, kiểm tra hoạt động thu phí sử dụng đường bộ của các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới trên cả nước...”.

## 2. Về trách nhiệm của Bộ GTVT và Sở GTVT

Có ý kiến đề nghị bổ sung làm rõ hơn trách nhiệm của Bộ GTVT và bổ sung trách nhiệm của Sở GTVT.

Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến tham gia sửa lại khoản 4 Điều 9 và bổ sung thêm khoản 5 Điều 9 dự thảo Nghị định như sau:

### “4. Bộ GTVT có trách nhiệm

a) Căn cứ số dự kiến thu phí sử dụng đường bộ năm kế hoạch do Cục DKVN và Cơ quan nhà nước quản lý về đường bộ ~~Tổng cục đường bộ Việt Nam~~ xây dựng, Bộ GTVT lập dự toán thu phí sử dụng đường bộ và tổng hợp chung trong dự toán ngân sách hằng năm của Bộ GTVT, gửi Bộ Tài chính cùng thời điểm thảo luận dự toán thu - chi ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Tổng hợp đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung văn bản thu phí (nếu có) gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ.

c) Xây dựng hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu, chỉ đạo tổ chức có liên quan truy cập, khai thác dữ liệu điện tử nộp phí sử dụng đường bộ trên Cổng dịch vụ công Quốc gia và cấp Tem sử dụng đường bộ có mã QR cho chủ phương tiện.

5. Sở GTVT có trách nhiệm: Kiểm tra, xác nhận, cấp, thu hồi biển hiệu, phù hiệu đối với xe ô tô thuộc diện không chịu phí theo quy định tại Nghị định này”.

## IX. Về nội dung khác

### 1. Về ví dụ minh họa

a) Tại Điều 6 và Điều 8 dự thảo Nghị định có sử dụng các ví dụ để minh họa cho nội dung quy định tại dự thảo – nội dung này kế thừa Thông tư số 70/2021/TT-BTC.

### b) Ý kiến tham gia

Bộ Nội vụ đề nghị bỏ các ví dụ trong dự thảo Nghị định, để thống nhất theo quy định tại Điều 2 và khoản 1 Điều 3 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Tại Điều 2 và khoản 1 Điều 3 Luật Ban hành VBQPPL quy định:

## **"Điều 2. Văn bản quy phạm pháp luật**

*Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản có chứa quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật này...".*

## **"Điều 3. Giải thích từ ngữ**

*Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:*

*1. Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng lặp đi lặp lại nhiều lần đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước hoặc đơn vị hành chính nhất định, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định trong Luật này ban hành và được Nhà nước bảo đảm thực hiện".*

Căn cứ quy định trên, Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến và bỏ các ví dụ tại Điều 6 và Điều 8 dự thảo Nghị định.

## **2. Về rà soát, tránh chồng chéo các khoản phí**

a) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đề nghị rà soát các loại phí để tránh chồng chéo: Phí bảo trì đường bộ, phí BOT, phí cầu đường... đảm bảo quyền lợi của cá nhân, tổ chức, đơn vị kinh doanh.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Tại Danh mục phí kèm theo Luật Phí và lệ phí quy định: (i) Phí sử dụng đường bộ và (ii) dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh thực hiện theo cơ chế giá dịch vụ do Nhà nước định giá (phí BOT); không quy định phí cầu đường.

Phí sử dụng đường bộ chi thu theo đầu phương tiện, tiền phí thu được sử dụng cho duy tu, bảo trì hệ thống đường bộ do Nhà nước quản lý. Dự thảo Nghị định chỉ quy định thu phí sử dụng đường bộ (không quy định giá dịch vụ BOT hay phí cầu đường), do đó không có sự chồng chéo.

b) Bộ GTVT đề nghị bổ sung thêm quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường cao tốc thu qua trạm thu phí áp dụng chung cho toàn bộ các tuyến đường cao tốc do nhà nước sở hữu, quản lý.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Theo quy định hiện hành thì phí sử dụng đường bộ thực hiện thu qua đầu phương tiện ô tô; chưa có cơ sở pháp lý quy định thu phí sử dụng đường cao tốc.

Tại Nghị quyết số 52/2017/QH14 ngày 22/11/2017 về chủ trương đầu tư dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam, phía Đông giai đoạn 2017-2020, Quốc hội đã giao Chính phủ: nghiên cứu, áp dụng phương án thu giá dịch vụ hợp lý để thu hồi vốn đầu tư của Nhà nước; đối với các dự án thành phần đầu tư công theo hình thức đối tác công tư được quản lý, sử dụng theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Trên cơ sở đề xuất của Bộ GTVT, Bộ Tài chính đã có Tờ trình số 192/TTr-BTC ngày 24/8/2022, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội dự thảo Nghị quyết quy định thu tiền dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc qua trạm thu phí do Nhà nước đầu tư (theo cơ chế giá dịch vụ). Vì vậy, Bộ Tài chính không bổ sung quy định thu phí sử dụng đường cao tốc vào dự thảo Nghị định.

**3. Ý kiến khác:** một số ý kiến về câu, chữ, kỹ thuật trình bày dự thảo Nghị định; Tờ trình Chính phủ và Báo cáo đánh giá tác động của TTHC

Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến và hoàn thiện dự thảo Nghị định, dự thảo Tờ trình Chính phủ và Báo cáo đánh giá tác động của TTHC.

Trên đây là Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về dự thảo Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu: VT, CST (PS).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG**

**Cao Anh Tuấn**